

PHIẾU KHẢO SÁT

*Năng lực sinh viên/học viên tốt nghiệp trong lĩnh vực Cơ khí động lực
tại trường đại học Bách khoa Hà Nội*

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

Họ tên:..... Giới tính:

Điện thoại: Email:

Đơn vị công tác:

.....

Chức vụ:

Địa chỉ cơ quan:

.....

Số lượng Cử nhân/Kỹ sư/ Thạc sĩ Cơ khí động lực Quý vị đang làm việc

cùng:

II. CÁC MỤC VÀ MỨC ĐÁNH GIÁ

A. Tầm quan trọng

Mức a: Không quan trọng

Mức c: Khá quan trọng

Mức b: Ít quan trọng

Mức d: Rất quan trọng

B. Kiến thức, kỹ năng đã ĐẠT được

Mức 0: Không biết hoặc không có

Mức 3: Có thể hiểu và giải thích

Mức 1: Biết hoặc đã thấy

Mức 4: Đã thực hành hoặc triển khai

Mức 2: Có thể cùng tham gia thực hiện

Mức 5: Có thể hướng dẫn người khác

C. Kiến thức, kỹ năng CẦN bổ sung (NÊN đạt được)

Mức 0: Không biết hoặc không có

Mức III: Có thể hiểu và giải thích

Mức I: Biết hoặc đã thấy

Mức IV: Đã thực hành hoặc triển khai

Mức II: Có thể cùng tham gia thực hiện

Mức V: Có thể hướng dẫn người khác

Quý vị vui lòng đóng góp thêm đối với từng nhóm kỹ năng (về sự cần thiết, tên gọi thực tế, mức độ phổ biến, quan điểm cá nhân, ...) với mỗi tiêu chí (nếu cần).

III. NỘI DUNG KHẢO SÁT
(Khoanh tròn ○ vào nội dung được chọn)

A		B		C	
Tầm quan trọng		Mức độ sinh viên ĐẠT được hiện nay		Mức độ sinh viên NÊN đạt được (CẦN bổ sung)	
a: Không quan trọng b: Ít quan trọng c: Khá quan trọng d: Rất quan trọng		0: Không biết hoặc không có 1, I: Biết hoặc đã thấy 2, II: Có thể cùng tham gia thực hiện 3, III: Có thể hiểu và giải thích 4, IV: Đã thực hành hoặc triển khai 5, V: Có thể hướng dẫn người khác			
Kiến thức và lập luận ngành					
1.1	<i>Kiến thức khoa học cơ bản</i>				
1.1.1	Toán giải tích (đạo hàm, vi phân, tích phân,..), đại số	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V	
1.1.2	Vật lý (cơ, nhiệt, điện, quang)	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V	
1.1.3	Tin học	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V	
1.1.4	Đồ họa kỹ thuật 1 (hình họa)	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V	
1.1.5	Xác suất thống kê và quy hoạch thực nghiệm	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V	
1.2	<i>Kiến thức cơ sở kỹ thuật</i>				
1.2.1	Kỹ thuật điện	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V	
1.2.2	Kỹ thuật điện tử	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V	
1.2.3	Cơ học kỹ thuật	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V	
1.2.4	Kỹ thuật nhiệt	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V	
1.2.5	Dung sai và kỹ thuật đo	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V	
1.2.6	Sức bền vật liệu	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V	
1.2.7	Đồ họa kỹ thuật 2 (vẽ kỹ thuật, AutoCAD)	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V	
1.2.8	Vật liệu	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V	
1.2.9	Nguyên lý máy, Chi tiết máy, Đồ án Chi tiết máy	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V	
1.2.10	Công nghệ chế tạo máy	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V	
1.2.11	Kỹ thuật thủy khí	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V	
1.2.12	Nhập môn kỹ thuật Cơ khí động lực	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V	
1.2.13	Động cơ đốt trong	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V	
1.2.14	Kết cấu ô tô	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V	

1.2.15	Máy thủy khí	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
1.2.16	Cơ khí đại cương	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
1.3a	Kiến thức cơ sở ngành Cơ khí động lực (Kỹ thuật ô tô)			
* Chương trình Cử nhân				
1.3a.1	Lý thuyết động cơ ô tô	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
1.3a.2	Hệ thống điện và điện tử ô tô	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
1.3a.3	Hệ thống nhiên liệu	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
1.3a.4	Lý thuyết ô tô	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
1.3a.5	Thiết kế tính toán ô tô	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
1.3a.6	Kỹ thuật bảo dưỡng sửa chữa ô tô	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
1.3a.7	Công nghệ khung vỏ ô tô	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
1.3a.8	Thiết kế động cơ đốt trong	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
* Chương trình tích hợp Cử nhân- Kỹ sư				
1.3a.9	Động lực học ô tô cơ bản	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
1.3a.10	Ứng dụng máy tính trong thiết kế ô tô	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
1.3a.11	Cơ điện tử ô tô	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
1.3a.12	Thí nghiệm ô tô	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
1.3a.13	Xe chuyên dụng	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
1.3a.14	Đồ án chuyên ngành ô tô 1	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
1.3a.15	Ô tô và vấn đề ô nhiễm môi trường	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
1.3a.16	Động lực học và dao động động cơ đốt trong	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
1.3a.17	Đồ án chuyên ngành ô tô 2 (động cơ đốt trong)	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
* Chương trình tích hợp Cử nhân- Thạc sĩ				
1.3a.18	Hệ thống truyền lực ô tô	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
1.3a.19	Ô tô thông minh	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
1.3a.20	Các hệ thống cơ điện tử trên ô tô	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
1.3a.21	Động lực học ô tô	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
1.3a.22	Động lực học các hệ thống thủy khí trên ô tô	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
1.3a.23	Dao động ô tô	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
1.3a.24	Động lực học và dao động động cơ đốt trong	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
1.3a.25	Hình thành hỗn hợp và cháy trong động cơ đốt trong	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
1.3a.26	Nhiên liệu thay thế dùng cho động cơ đốt trong	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
1.3a.27	Rung động và ồn trên ô tô	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
1.3a.28	Đánh giá trạng thái kỹ thuật ô tô	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
1.3a.29	An toàn ô tô	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V

1.3a.30	Phương pháp tính toán trong cơ học chất lỏng (CFD)	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
1.3a.31	Kiểm soát khí thải động cơ đốt trong	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
1.3a.32	Hệ thống nhiên liệu trên động cơ hiện đại	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
1.3b	Kiến thức cơ sở ngành Cơ khí động lực (Kỹ thuật năng lượng và tự động hóa thủy khí)			
* Chương trình Cử nhân				
1.3b.1	Lý thuyết cánh	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
1.3b.2	Bơm quạt cánh dẫn I	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
1.3b.3	Tua bin nước I	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
1.3b.4	Ứng dụng PLC điều khiển các hệ truyền động thể tích	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
1.3b.5	Máy thủy lực thể tích	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
1.3b.6	Truyền động thủy lực và khí nén	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
1.3b.7	Cơ sở kỹ thuật năng lượng gió và đại dương	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
1.3b.8	Hệ thống trạm bơm và trạm thủy điện	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
1.3b.9	Điều khiển hệ thống thủy lực và khí nén	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
* Chương trình tích hợp Cử nhân- Kỹ sư				
1.3b.10	Bơm quạt cánh dẫn II	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
1.3b.11	Tua bin nước II	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
1.3b.12	Truyền động thủy động	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
1.3b.13	Công nghệ chế tạo Máy thủy khí	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
1.3b.14	Robot công nghiệp	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
1.3b.15	Mạch thủy lực ứng dụng	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
1.3b.16	Thiết kế và mô phỏng máy thủy khí trên máy tính	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
1.3b.17	Đồ án chuyên ngành 1	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
1.3b.18	Đồ án chuyên ngành 2	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
* Chương trình tích hợp Cử nhân- Thạc sĩ				
1.3b.19	Lý thuyết cánh II	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
1.3b.20	Xâm thực và động lực học dòng chảy nhanh	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
1.3b.21	Mô hình hóa và mô phỏng hệ thống truyền động thủy lực và khí nén	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
1.3b.22	Kỹ thuật máy thủy khí trong năng lượng tái tạo	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V

1.3b.23	Thủy lực số	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
1.3b.24	Mạch thủy lực và khí nén nâng cao	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
1.3b.25	Rô bốt thủy lực - khí nén trong tự động hóa sản xuất	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
1.3b.26	Các hệ truyền động thủy lực theo dõi	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
1.3b.27	Máy thủy lực nâng cao	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
1.3b.28	Phương pháp tính toán trong cơ học chất lỏng (CFD)	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
1.3b.29	Máy nén khí	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
1.4	Các kiến thức hỗ trợ khác			
1.4.1	Có kỹ năng và khả năng sử dụng các kỹ thuật và công cụ kỹ thuật (lập trình CNC, PLC, ...)	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
1.4.2	Phương pháp số, mô hình hóa, dao động, tối ưu,..	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
2	Kỹ năng cá nhân, nghề nghiệp và phẩm chất			
2.1	Lập luận kỹ thuật và giải quyết vấn đề			
2.1.1	Nhận dạng và xác định vấn đề kỹ thuật	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
2.1.2	Mô hình hóa vấn đề kỹ thuật	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
2.1.3	Ước lượng và phân tích định tính vấn đề	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
2.1.4	Phân tích các yếu tố ngẫu nhiên	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
2.1.5	Kết luận, giải pháp và đề xuất	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
2.2	Thử nghiệm và khám phá tri thức			
2.2.1	Lập giả thuyết về các khả năng xảy ra	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
2.2.2	Tìm hiểu thông tin qua tài liệu giấy và tài liệu điện tử, internet	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
2.2.3	Khảo sát thực nghiệm	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
2.2.4	Kiểm chứng giả thuyết và chứng minh	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
2.3	Tư duy hệ thống			
2.3.1	Nhìn tổng thể vấn đề	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
2.3.2	Xác định các vấn đề phát sinh và tương tác trong hệ thống	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
2.3.3	Sắp xếp và xác định các yếu	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V

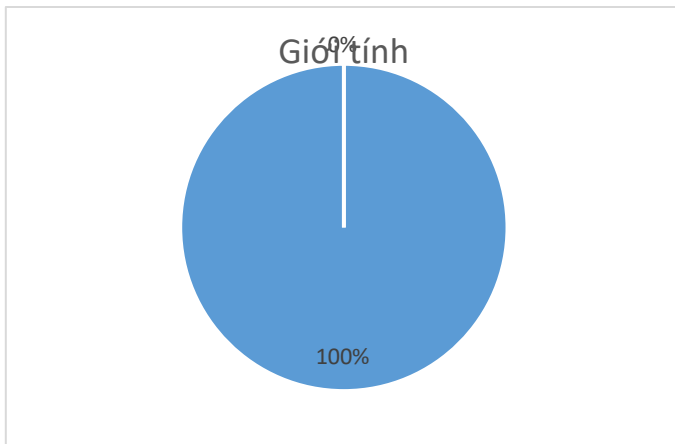
	tổ trọng tâm			
2.3.4	Phân tích ưu nhược điểm và đưa ra giải pháp	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
2.4	Kỹ năng và thái độ cá nhân			
2.4.1	Chủ động và sẵn sàng chấp nhận rủi ro	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
2.4.2	Kiên trì và linh hoạt	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
2.4.3	Vận dụng tư duy sáng tạo	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
2.4.4	Vận dụng tư duy đánh giá	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
2.4.5	Có khả năng tự đánh giá kiến thức, kỹ năng và thái độ của bản thân	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
2.4.6	Có khả năng tự tìm hiểu và học tập suốt đời	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
2.4.7	Biết cách quản lý thời gian và nguồn lực	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
2.5	Kỹ năng nghề nghiệp			
2.5.1	Có đạo đức nghề nghiệp, tính trung thực và tinh thần trách nhiệm	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
2.5.2	Có thái độ hành xử chuyên nghiệp	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
2.5.3	Có tính chủ động trong việc lập kế hoạch cho nghề nghiệp của bản thân	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
2.5.4	Cập nhật thông tin trong lĩnh vực kỹ thuật	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
3	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm			
3.1	Làm việc nhóm			
3.1.1	Thành lập nhóm	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
3.1.2	Tổ chức hoạt động nhóm	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
3.1.3	Phát triển nhóm	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
3.1.4	Lãnh đạo nhóm	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
3.1.5	Tổ chức nhóm kỹ thuật và nhóm đa ngành	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
3.2	Giao tiếp			
3.2.1	Chọn lựa chiến lược giao tiếp	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
3.2.2	Xây dựng cấu trúc giao tiếp	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
3.2.3	Giao tiếp bằng văn bản	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
3.2.4	Giao tiếp đa phương tiện	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
3.2.5	Giao tiếp bằng đồ họa	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
3.2.6	Thuyết trình hiệu quả	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
3.3	Giao tiếp bằng ngoại ngữ			
	Tiếng Anh (CEFR 500 TOEIC hoặc tương đương)	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V

4	Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành trong bối cảnh doanh nghiệp và xã hội			
4.1	<i>Bối cảnh xã hội</i>			
4.1.1	Nhận thức được vai trò và trách nhiệm của người cử nhân/KS/ThS đối với xã hội	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
4.1.2	Nhận thức được tác động của ứng dụng kỹ thuật đối với xã hội	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
4.1.3	Kiến thức pháp luật, quy định của nhà nước về lĩnh vực kỹ thuật	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
4.1.4	Nhận thức bối cảnh lịch sử và văn hóa	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
4.1.5	Nhận thức các vấn đề mang tính thời sự	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
4.1.6	Nhận định được viễn cảnh phát triển mang tính toàn cầu	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
4.2	<i>Bối cảnh kinh doanh và doanh nghiệp</i>			
4.2.1	Tôn trọng sự đa dạng văn hóa doanh nghiệp	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
4.2.2	Chiến lược, mục tiêu và kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
4.2.3	Có đầu óc thương mại hóa kỹ thuật	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
4.2.4	Khả năng thích ứng trong các môi trường làm việc khác nhau	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
4.3	<i>Hình thành ý tưởng và xây dựng hệ thống kỹ thuật</i>			
4.3.1	Thiết lập những mục tiêu và yêu cầu của hệ thống kỹ thuật	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
4.3.2	Xác định chức năng, khái niệm và cấu trúc của hệ thống kỹ thuật	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
4.3.3	Sử dụng mô hình hóa hệ thống kỹ thuật và đảm bảo mục tiêu có thể đạt được	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
4.3.4	Lập kế hoạch triển khai (Quản lý) đề án	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
4.4	<i>Thiết kế</i>			
4.4.1	Xây dựng và phân tích quy trình thiết kế	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V

4.4.2	Phân tích các giai đoạn trong quá trình thiết kế và phương pháp tiếp cận	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
4.4.3	Vận dụng kiến thức và phân tích trong thiết kế	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
4.4.4	Vận dụng kiến thức thiết kế chuyên ngành	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
4.4.5	Thiết kế và làm việc trong nhóm đa ngành	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
4.4.6	Thiết kế đa mục tiêu	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
4.5	Triển khai			
4.5.1	Lập kế hoạch cho quá trình triển khai	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
4.5.2	Xây dựng và phân tích hệ thống	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
4.5.3	Áp dụng kiến thức về hệ thống điều khiển và lập trình chẩn đoán	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
4.5.4	Tích hợp phần cứng (4.5.2) và phần mềm (4.5.3)	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
4.5.5	Hiểu biết tiêu chuẩn trong thử nghiệm, kiểm tra, thẩm định và chứng nhận	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
4.5.6	Quản lý quá trình triển khai	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
4.6	Vận hành			
4.6.1	Xây dựng và tối ưu quá trình vận hành	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
4.6.2	Huấn luyện quy trình vận hành	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
4.6.3	Hoạt động hỗ trợ trong quá trình vận hành của hệ thống	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
4.6.4	Cải tiến và phát triển hệ thống	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
4.6.5	Xử lý sau khi hệ thống hết hạn sử dụng (sau vòng đời hệ thống)	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V
4.6.6	Quản lý vận hành	a b c d	0 1 2 3 4 5	0 I II III IV V

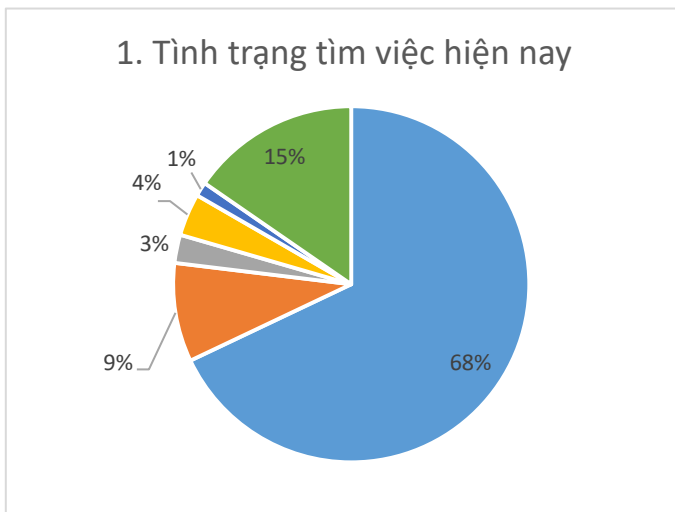
Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý vị!

VIỆN CƠ KHÍ ĐỘNG LỰC

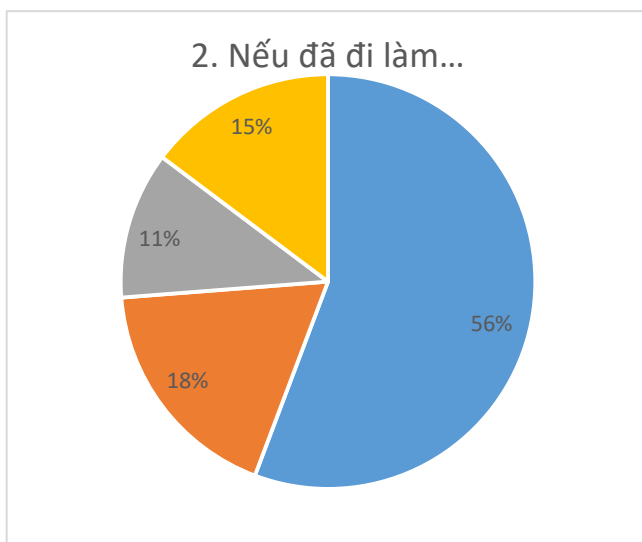


NAM	78	100%
NỮ	0	0%

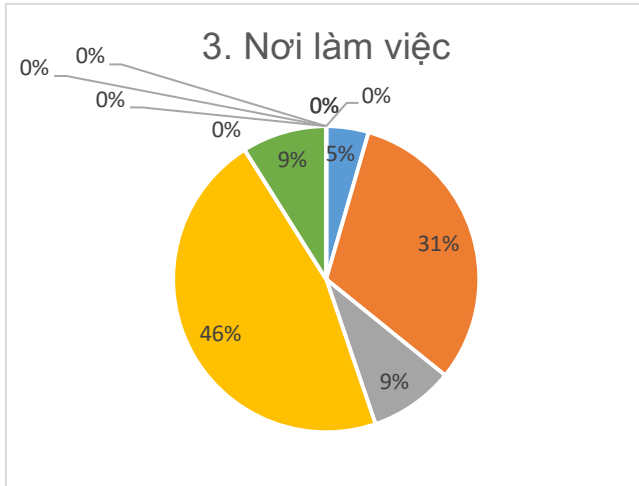
B. Thông tin việc làm



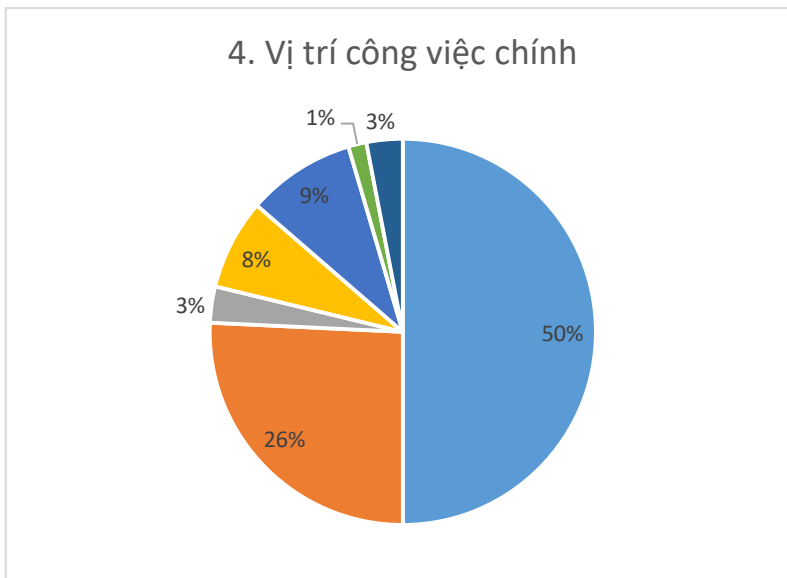
Đã có nơi nhận	53	68%
Có triển vọng được nhận	7	9%
Chưa có triển vọng	2	3%
Đã có nơi tiếp nhận học tiếp	3	4%
Có triển vọng đi học tiếp	1	1%
Chưa đi tìm việc làm	12	15%



Làm đúng chuyên ngành	34	56%
Làm đúng ngành rộng	11	18%
Làm gần ngành rộng	7	11%
Làm trái ngành	9	15%

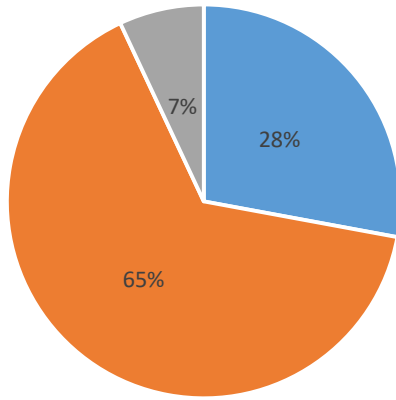


Công ty tự lập/ tự làm	3	4%
Công ty tư nhân trong nước	21	31%
Công ty nhà nước	6	9%
Công ty nước ngoài tại VN	31	46%
Công ty ở nước ngoài	0	0%
Công ty liên doanh	6	9%
Trường đại học, cao đẳng	0	0%
Trường trung cấp, dạy nghề	0	0%
Viện nghiên cứu	0	0%
Hành chính nhà nước	0	0%
Tổ chức phi chính phủ	0	0%
Khác	0	0%



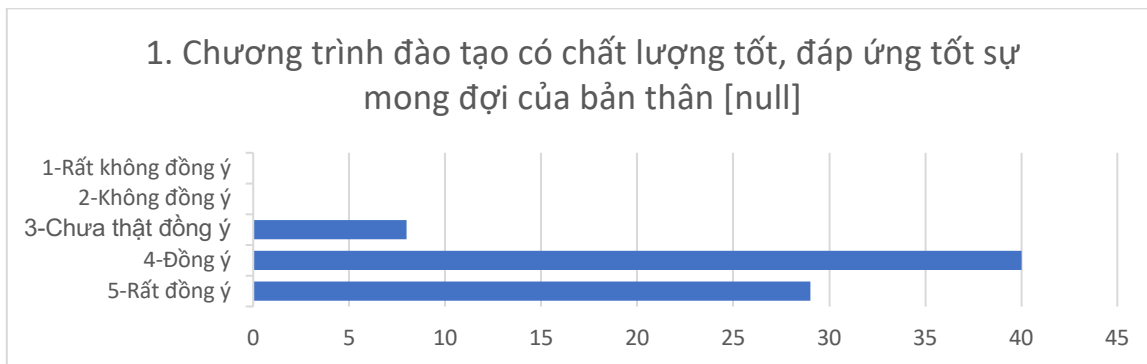
Kỹ sư thiết kế, phát triển	33	50%
Kỹ sư lắp đặt, vận hành, bảo trì	17	26%
Tư vấn, quản lý dự án	2	3%
Quản lý sản xuất/ sản phẩm	5	8%
Kinh doanh, bán hàng	6	9%
Giảng dạy, nghiên cứu	1	2%
Khác	2	3%

5. Thu nhập



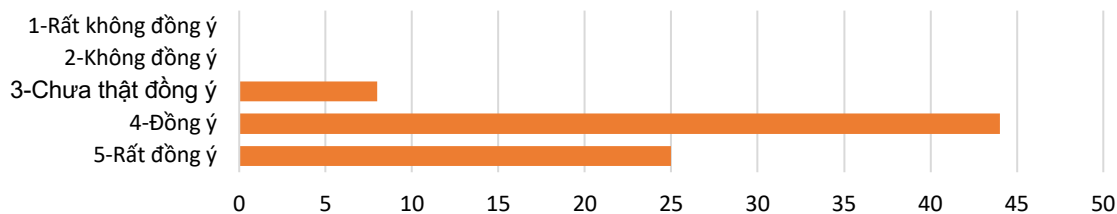
Hài lòng	12	28%
Chưa thật hài lòng	28	65%
Thất vọng	3	7%

C. NHẬN XÉT CHUNG VỀ CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU QUẢ ĐÀO TẠO CỦA ĐHBK HÀ NỘI

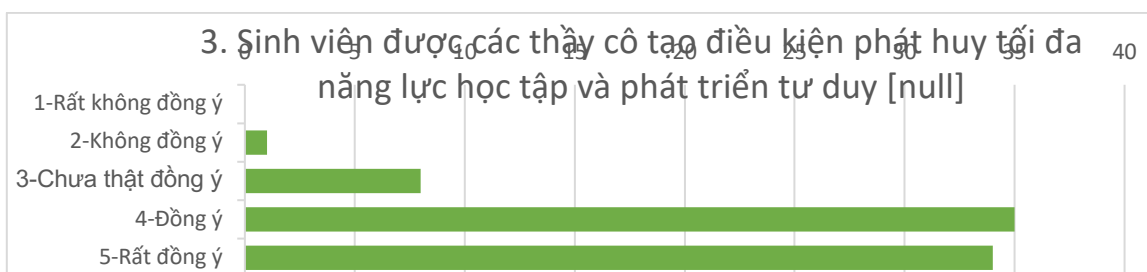


5-Rất đồng ý	29	38%
4-Đồng ý	40	52%
3-Chưa thật đồng ý	8	10%
2-Không đồng ý	0	0%
1-Rất không đồng ý	0	0%

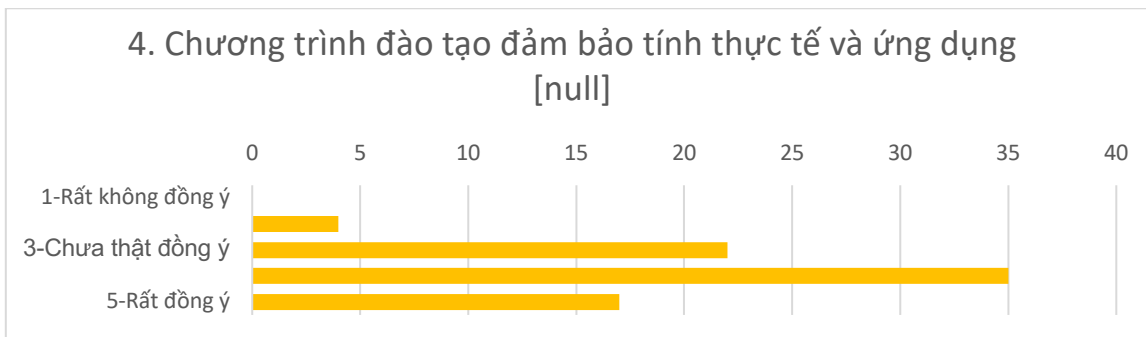
2. Chương trình đào tạo của Nhà trường có khả năng đáp ứng tốt yêu cầu nhân lực nơi Anh/Chị công tác [null]



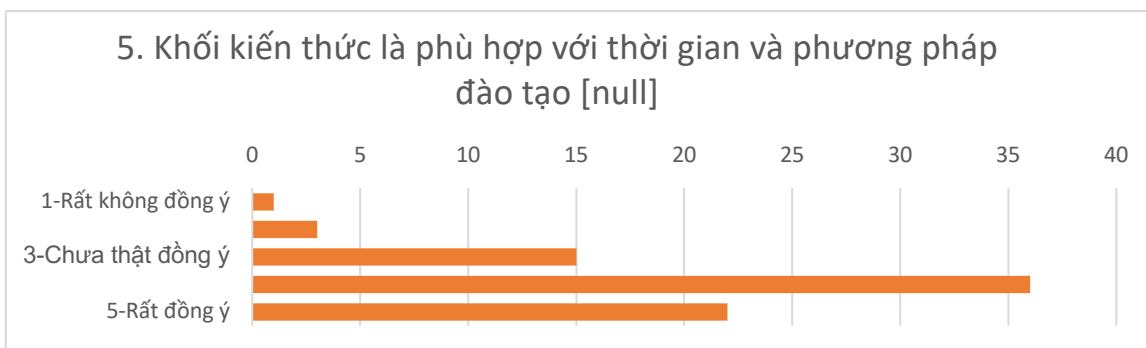
5-Rất đồng ý	25	32%
4-Đồng ý	44	57%
3-Chưa thật đồng ý	8	10%
2-Không đồng ý	0	0%
1-Rất không đồng ý	0	0%



5-Rất đồng ý	34	44%
4-Đồng ý	35	45%
3-Chưa thật đồng ý	8	10%
2-Không đồng ý	1	1%
1-Rất không đồng ý	0	0%

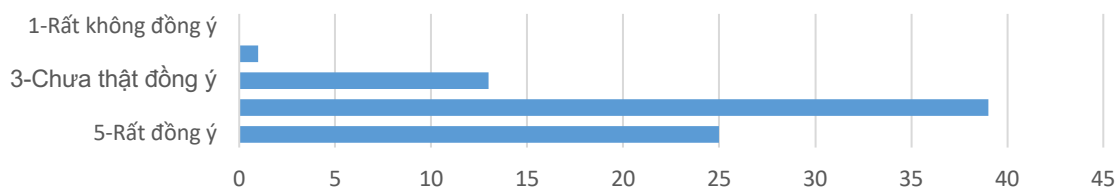


5-Rất đồng ý	17	22%
4-Đồng ý	35	45%
3-Chưa thật đồng ý	22	28%
2-Không đồng ý	4	5%
1-Rất không đồng ý	0	0%



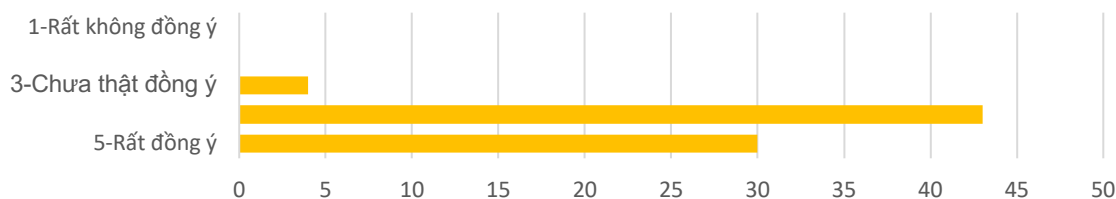
5-Rất đồng ý	22	29%
4-Đồng ý	36	47%
3-Chưa thật đồng ý	15	19%
2-Không đồng ý	3	4%
1-Rất không đồng ý	1	1%

6. Cấu trúc chương trình hợp lý, các môn học có liên kết tốt và ít trùng lặp nội dung [null]



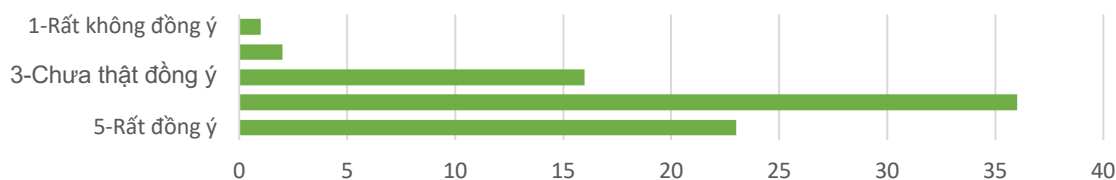
5-Rất đồng ý	25	32%
4-Đồng ý	39	50%
3-Chưa thật đồng ý	13	17%
2-Không đồng ý	1	1%
1-Rất không đồng ý	0	0%

7. Sinh viên được cung cấp hoặc được hướng dẫn đầy đủ về giáo trình, bài giảng và các tài liệu học tập khác [null]



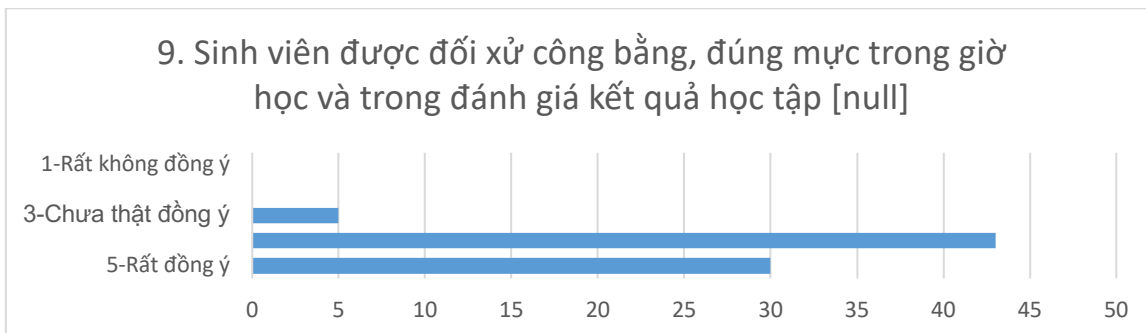
5-Rất đồng ý	30	39%
4-Đồng ý	43	56%
3-Chưa thật đồng ý	4	5%
2-Không đồng ý	0	0%
1-Rất không đồng ý	0	0%

8. Trang bị các giảng đường, lớp học và phòng thí nghiệm đáp ứng yêu cầu [null]

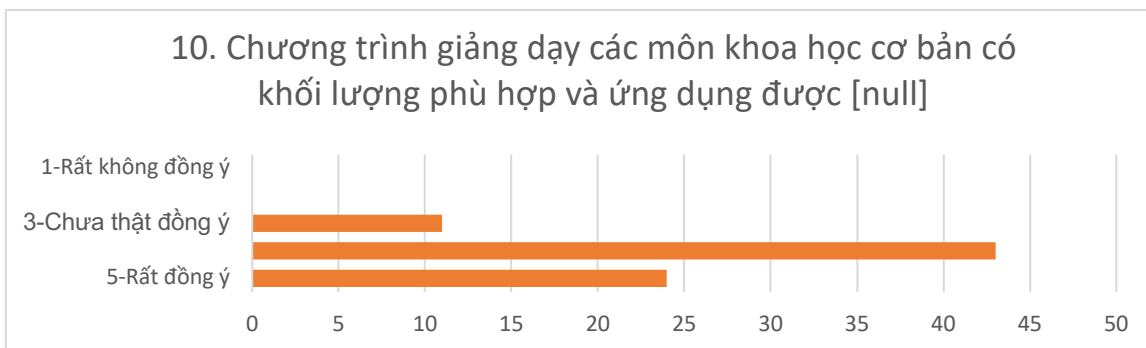


5-Rất đồng ý	23	29%
--------------	-----------	------------

4-Đồng ý	36	46%
3-Chưa thật đồng ý	16	21%
2-Không đồng ý	2	3%
1-Rất không đồng ý	1	1%

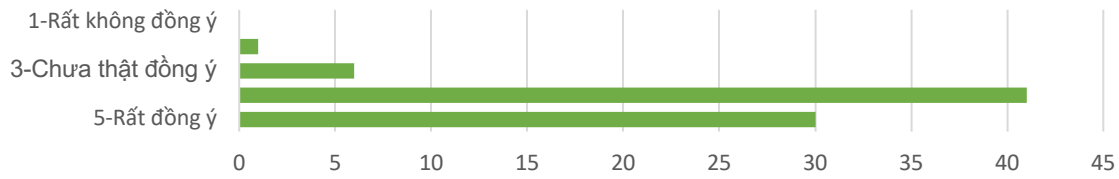


5-Rất đồng ý	30	38%
4-Đồng ý	43	55%
3-Chưa thật đồng ý	5	6%
2-Không đồng ý	0	0%
1-Rất không đồng ý	0	0%



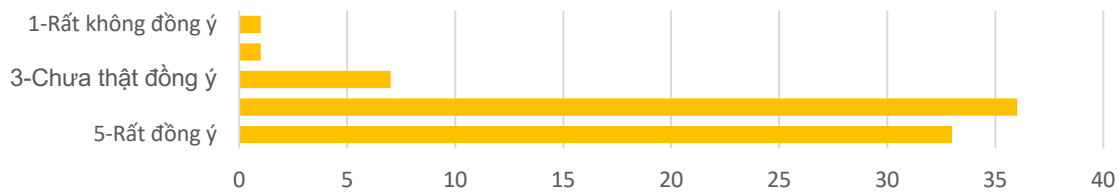
5-Rất đồng ý	24	31%
4-Đồng ý	43	55%
3-Chưa thật đồng ý	11	14%
2-Không đồng ý	0	0%
1-Rất không đồng ý	0	0%

11. Chương trình giảng dạy các môn chuyên ngành có khối lượng phù hợp [null]



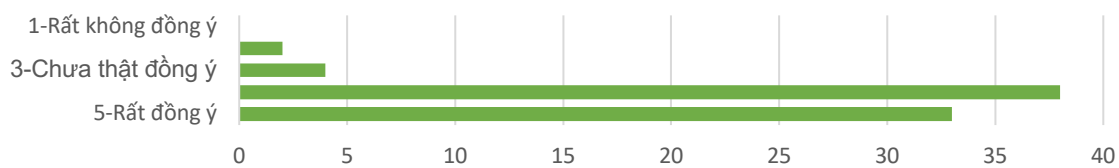
5-Rất đồng ý	30	38%
4-Đồng ý	41	53%
3-Chưa thật đồng ý	6	8%
2-Không đồng ý	1	1%
1-Rất không đồng ý	0	0%

12. Sinh viên học được nhiều từ các thầy cô về phương pháp làm việc và phát triển nhân cách [null]



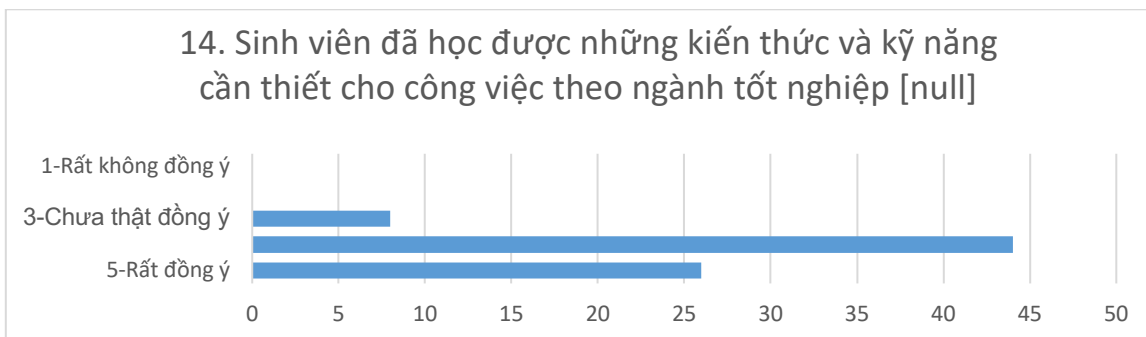
5-Rất đồng ý	33	42%
4-Đồng ý	36	46%
3-Chưa thật đồng ý	7	9%
2-Không đồng ý	1	1%
1-Rất không đồng ý	1	1%

13. Sinh viên được hỗ trợ tốt trong các hoạt động nghiên cứu khoa học [null]

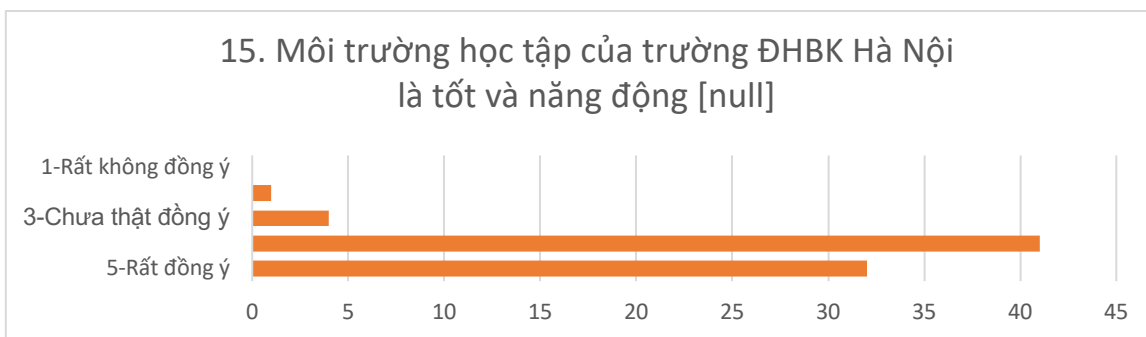


5-Rất đồng ý	33	43%
4-Đồng ý	38	49%

3-Chưa thật đồng ý	4	5%
2-Không đồng ý	2	3%
1-Rất không đồng ý	0	0%



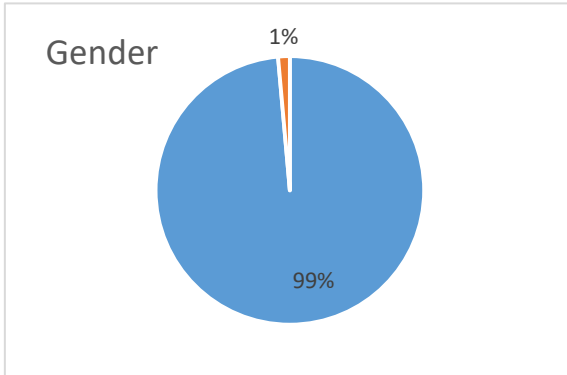
5-Rất đồng ý	26	33%
4-Đồng ý	44	56%
3-Chưa thật đồng ý	8	10%
2-Không đồng ý	0	0%
1-Rất không đồng ý	0	0%



5-Rất đồng ý	32	41%
4-Đồng ý	41	53%
3-Chưa thật đồng ý	4	5%
2-Không đồng ý	1	1%
1-Rất không đồng ý	0	0%

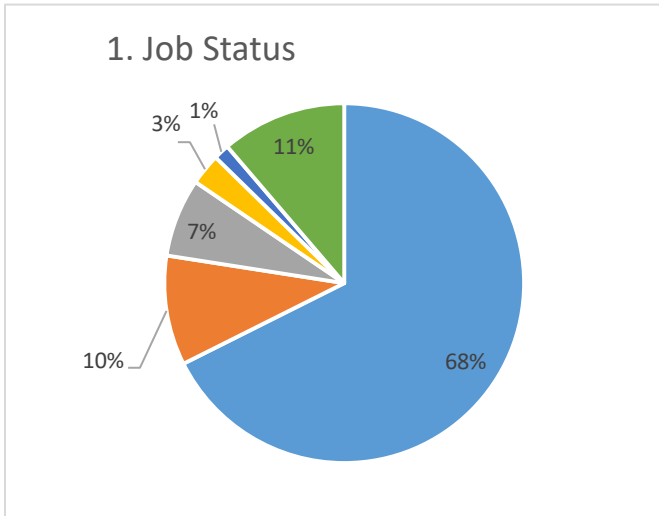
SCHOOL OF TRANSPORTATION ENGINEERING

A. General information

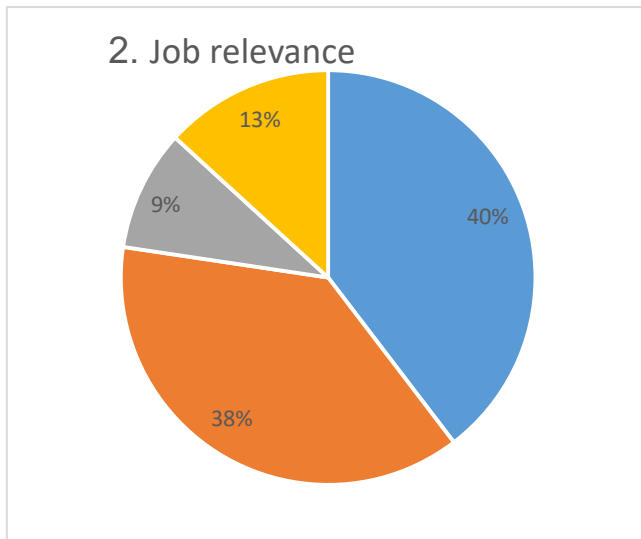


Male	70	99%
Female	1	1%

B. Job Information

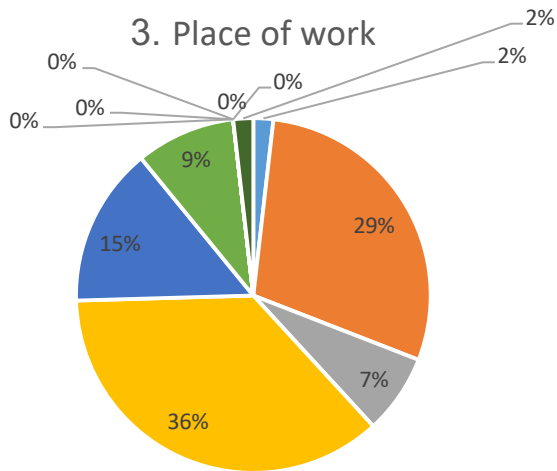


Accepted to a company	48	68%
Potential to get the job	5	7%
Have not get any potential	2	3%
Graduate students	1	1%
Potential to study at higher level	8	11%
Not desire to find a job	7	10%



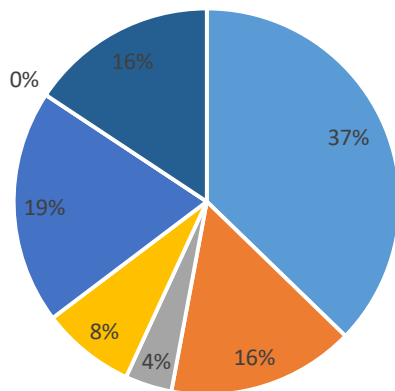
relevant job	21	40%
Job in the study field	20	38%
Job close to the study field	5	9%
Job not related to the study field	7	13%

3. Place of work



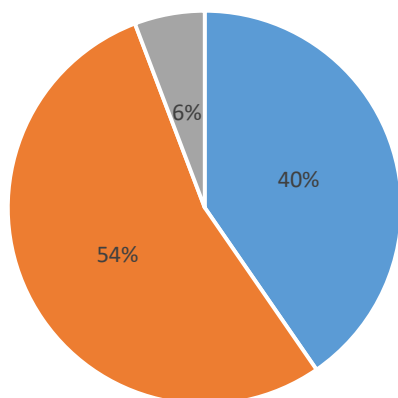
Owned company/ by self	1	2%
Privately held company	16	29%
Government companies/agencies	4	7%
Foreign companies located at VN	20	36%
Foreign companies NOT located at VN	8	15%
Joint companies	5	9%
Universities/College	0	0%
Vocational/skill school	0	0%
Research Institutes	0	0%
Government administration	0	0%
Non-government agencies	0	0%
Others	1	2%

4. Position



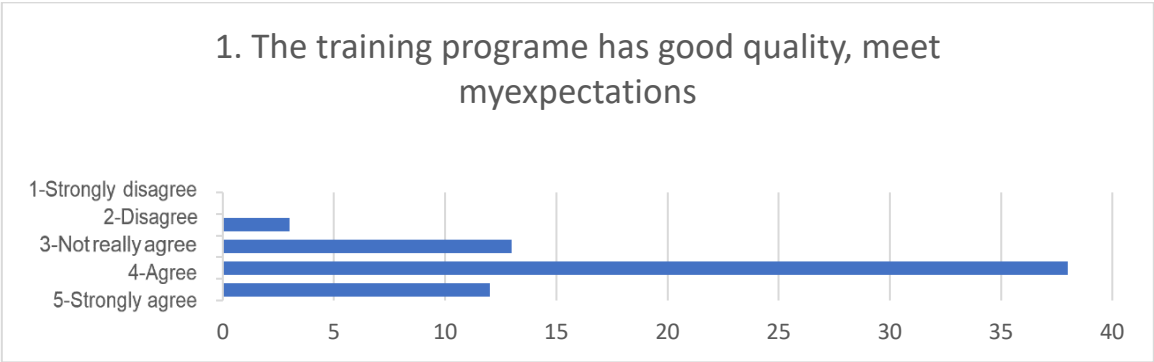
Developing/designing engineer	19	37%
Installation/operation/maintenance Engineer	8	16%
Consulter, project management	2	4%
Production / Product Management	4	8%
Business, sales	10	20%
Lecture/researcher	0	0%
Others	8	16%

5. Income



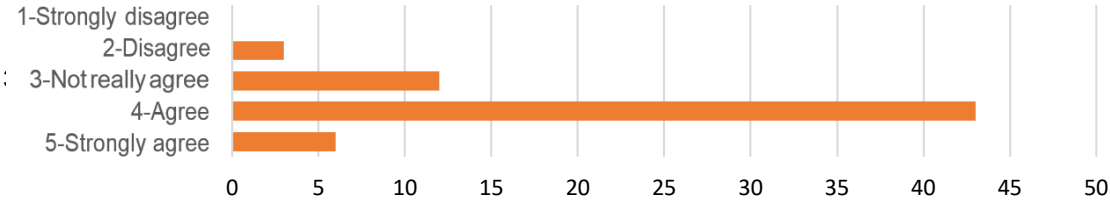
Satisfied	21	40%
Not very satisfied	28	54%
disappointed	3	6%

C. GENERAL COMMENTS ABOUT QUALITY AND TRAINING EFFICIENCY OF HUST

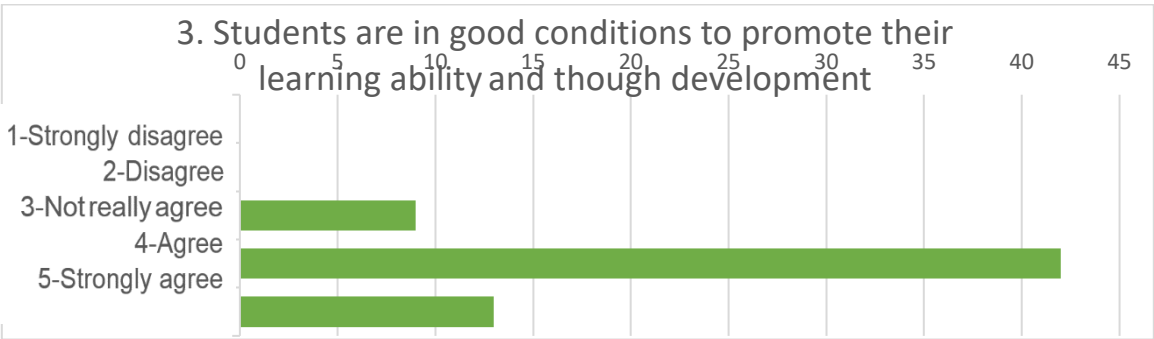


5- Strongly agree	12	18%
4- Agree	38	58%
3- Not really agree	13	20%
2- Disagree	3	5%
1- Strongly disagree	0	0%

2. The training program at HUST meets requirements for human resource at your working place

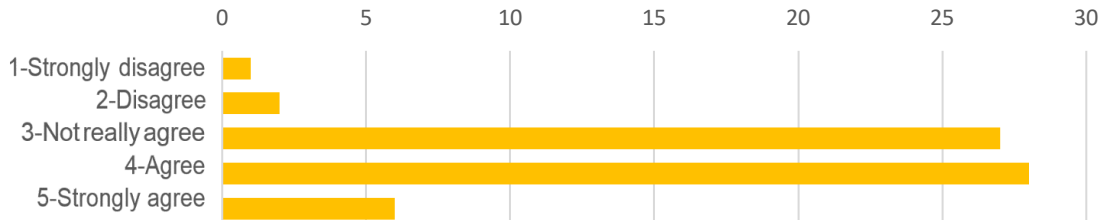


5- Strongly agree	6	9%
4- Agree	43	67%
3- Not really agree	12	19%
2- Disagree	3	5%
1- Strongly disagree	0	0%



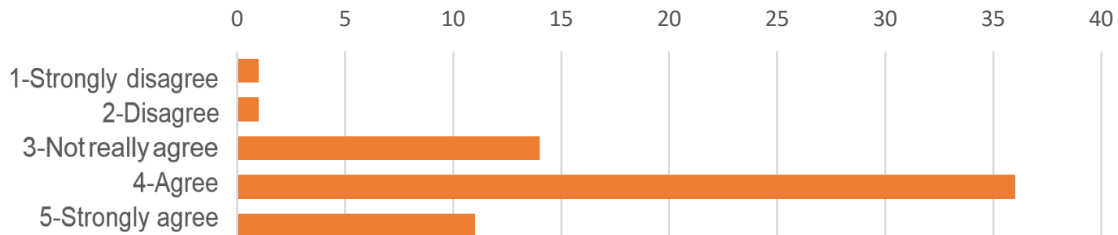
5- Strongly agree	13	20%
4- Agree	42	66%
3- Not really agree	9	14%
2- Disagree	0	0%
1- Strongly disagree	0	0%

4. The training programs are practical and applicable



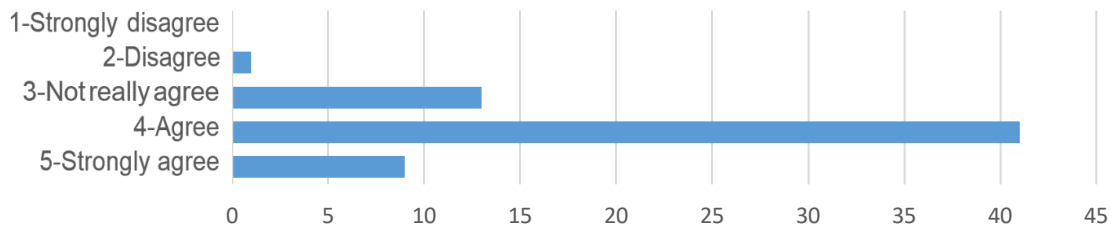
5- Strongly agree	6	9%
4- Agree	28	44%
3- Not really agree	27	42%
2- Disagree	2	3%
1- Strongly disagree	1	2%

5. Knowledge quantity is adequate for time and training method



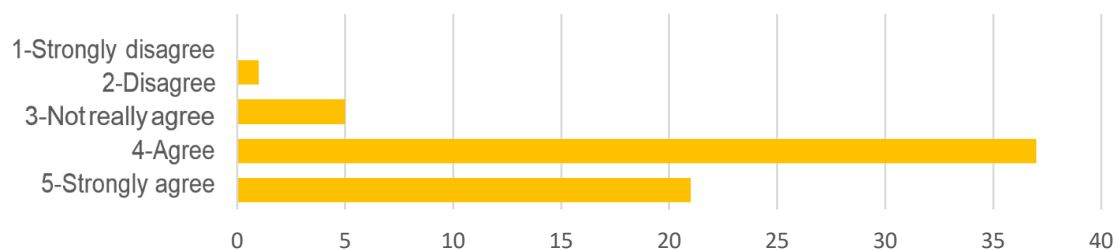
5- Strongly agree	10	12%
4- Agree	47	57%
3- Not really agree	21	26%
2- Disagree	3	4%
1- Strongly disagree	1	1%

6. Program structure is reasonable, subjects are well connected to each other and less repeated



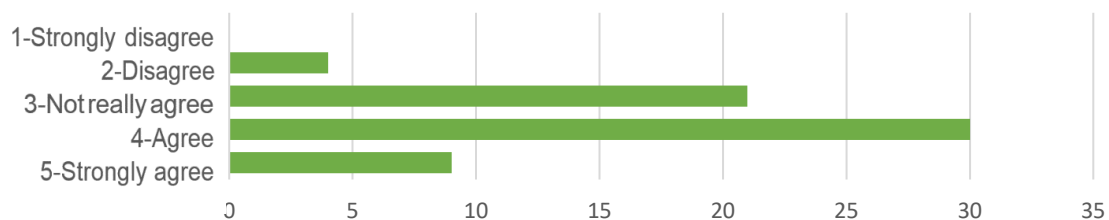
5- Strongly agree	9	14%
4- Agree	41	64%
3- Not really agree	13	20%
2- Disagree	1	2%
1- Strongly disagree	0	0%

7. Students are fully provided with or instructed about textbooks, lectures, and other studying materials khác



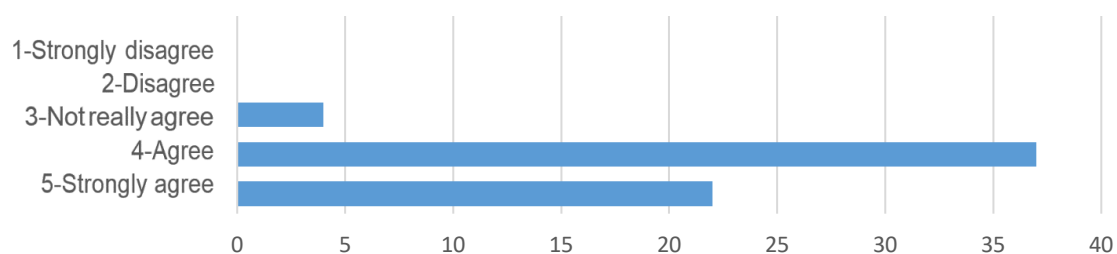
5- Strongly agree	21	33%
4- Agree	37	58%
3- Not really agree	5	8%
2- Disagree	1	2%
1- Strongly disagree	0	0%

8. Facilities at lecture room, class and laboratory meet requirement



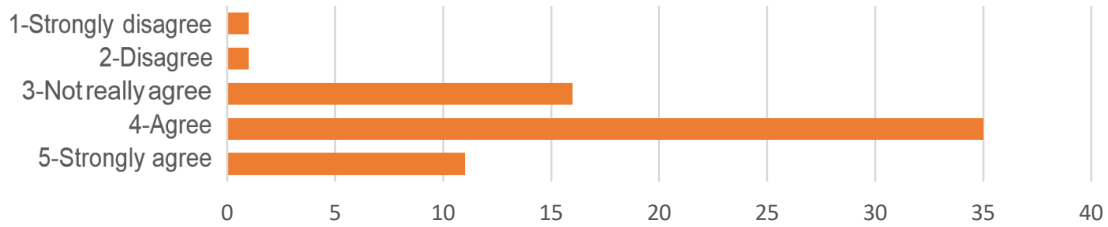
5- Strongly agree	9	14%
4- Agree	30	47%
3- Not really agree	21	33%
2- Disagree	4	6%
1- Strongly disagree	0	0%

9. Students are treated equally during lecturer time and in result evaluation



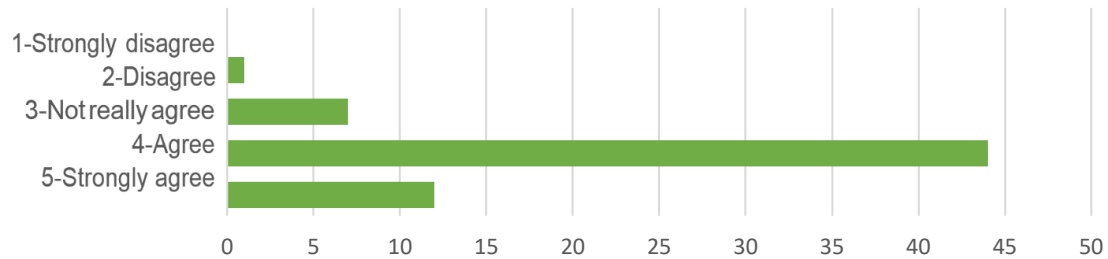
5- Strongly agree	22	35%
4- Agree	37	59%
3- Not really agree	4	6%
2- Disagree	0	0%
1- Strongly disagree	0	0%

10. Contents of fundamental subjects are adequate and applicable



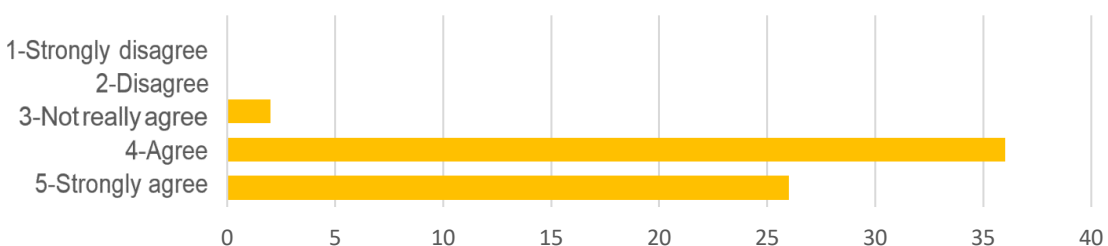
5- Strongly agree	11	17%
4- Agree	35	55%
3- Not really agree	16	25%
2- Disagree	1	2%
1- Strongly disagree	1	2%

11. Contents of specific subjects are adequate



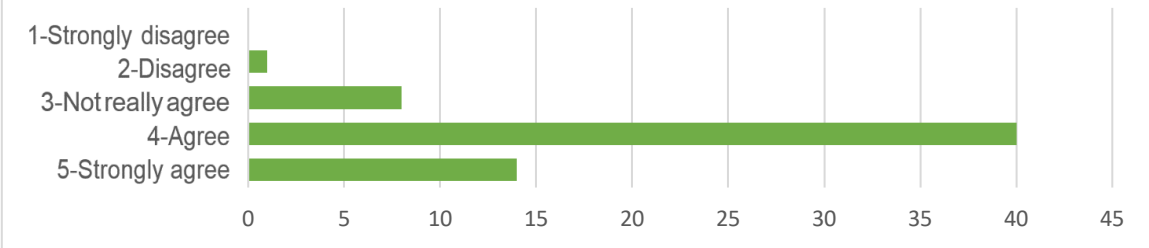
5- Strongly agree	12	19%
4- Agree	44	69%
3- Not really agree	7	11%
2- Disagree	1	2%
1- Strongly disagree	0	0%

12. Students have learnt a lot from lecturers about working methods and personality development



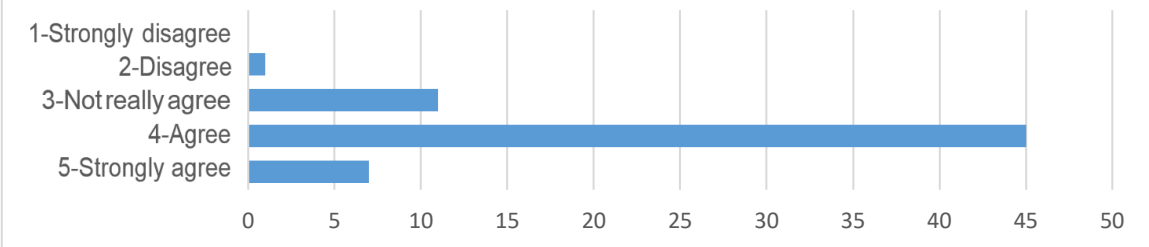
5- Strongly agree	26	41%
4- Agree	36	56%
3- Not really agree	2	3%
2- Disagree	0	0%
1- Strongly disagree	0	0%

13. Students are well supported in scientific research activities



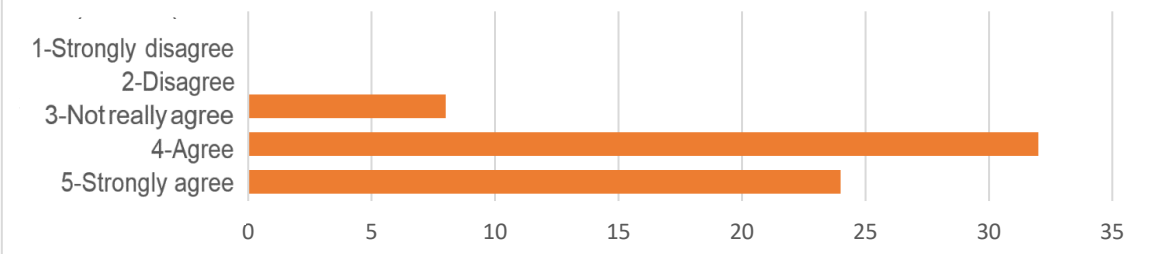
5- Strongly agree	14	22%
4- Agree	40	63%
3- Not really agree	8	13%
2- Disagree	1	2%
1- Strongly disagree	0	0%

14. Students have gained specific knowledge and skills that are necessary for future career



5- Strongly agree	7	11%
4- Agree	45	70%
3- Not really agree	11	17%
2- Disagree	1	2%
1- Strongly disagree	0	0%

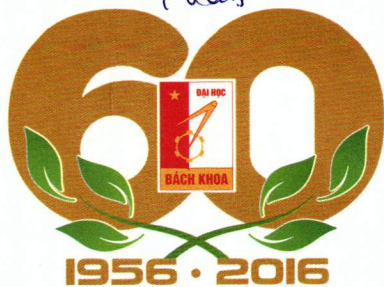
15. Learning environment at HUST is excellent and dynamic



5- Strongly agree	24	38%
4- Agree	32	50%
3- Not really agree	8	13%
2- Disagree	0	0%
1- Strongly disagree	0	0%

Mã MC. 3.1.1.20

Tuần



TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI
HANOI UNIVERSITY OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

Dai Co Viet Road, Hanoi, Vietnam
Tel. : +84 (0)4 3869 6099
Fax : +84 (0)4 3869 2006
www.hust.edu.vn

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2016

THƯ MỜI

KHẢO SÁT, ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC

Kính gửi: QUÝ CÔNG TY

Lời đầu tiên, Trường ĐHBK Hà Nội xin được gửi tới Quý Cơ quan lời chào trân trọng nhất!

Được thành lập từ năm 1956, với 60 năm xây dựng và phát triển, đến nay Trường ĐHBK Hà Nội tự hào đã đào tạo cho đất nước hàng trăm nghìn Kỹ sư, Thạc sĩ, Tiến sĩ hiện đã và đang công tác trong nhiều lĩnh vực tại các miền của Tổ quốc và nhiều nước trên thế giới.

Với mong muốn tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng kịp thời nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội trong thời kỳ hội nhập quốc tế, Trường ĐHBK Hà Nội triển khai rà soát, đánh giá về chất lượng đào tạo của Nhà trường trong thời gian qua.

Để kết quả đánh giá được khách quan và chính xác, Nhà trường rất mong nhận được ý kiến đóng góp của Quý Cơ quan có sử dụng nguồn nhân lực do Trường đào tạo. Nhà trường sẽ coi đây là một kênh thông tin quan trọng trong việc cải tiến chương trình, nâng cao chất lượng đào tạo để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường lao động.

Kết quả khảo sát sẽ được trình bày dưới dạng số liệu tổng hợp thống kê. Nhà trường xin đảm bảo mọi thông tin phản hồi của Quý Cơ quan sẽ được sử dụng đúng mục đích nêu trên.

Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội rất mong nhận được sự quan tâm hợp tác, giúp đỡ của Quý Cơ quan.

Trân trọng cảm ơn./.

Để thuận tiện cho công tác đánh giá, Quý Cơ quan có thể trả lời trực tuyến trên hệ thống khảo sát online của Nhà trường tại đường dẫn dưới đây hoặc bản cứng kèm theo:

<http://ctsv.hust.edu.vn/k2-listing/item/553-khao-sat-60nam-dhbkh>

KHIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS. Phạm Hoàng Lương

PHIẾU KHẢO SÁT Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN/ DOANH NGHIỆP

Trả lời khảo sát online theo đường dẫn

<http://ctsv.hust.edu.vn/k2-listing/item/553-khao-sat-60nam-dhbkh>

A. THÔNG TIN VỀ CƠ QUAN/ DOANH NGHIỆP

Tên Cơ quan/ Doanh nghiệp: *

Lĩnh vực hoạt động:

Địa chỉ: *

Website:

Người đại diện trả lời khảo sát: *

Chức vụ/ Vị trí công tác: *

Số điện thoại:

Email: *

B. THÔNG TIN VỀ Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN/ DOANH NGHIỆP

1. Số lượng cán bộ công nhân viên hiện đang làm việc tại Quý cơ quan/ Doanh nghiệp

Tổng số cán bộ nhân viên đang làm việc tại Quý cơ quan là:

Trong đó số lượng người tốt nghiệp đại học tại ĐHBK Hà Nội là:

Và thuộc các nhóm ngành có số thứ tự là:

1. Cơ khí / 2. Nhiệt – Lạnh / 3. Điện tử - Viễn thông / 4. Kỹ thuật hóa học / 5. Kỹ thuật môi trường / 6. Kỹ thuật Dệt - May - Da giày & thời trang / 7. Kỹ thuật vật liệu / 8. Cơ khí động lực / 9. Điện / 10. Công nghệ thông tin, toán tin ứng dụng / 11. Công nghệ sinh học – Thực phẩm / 12. Vật lý kỹ thuật, Vật lý hạt nhân / 13. Tiếng Anh khoa học kỹ thuật.

2. Nhu cầu tuyển dụng Kỹ sư ĐHBKHN của doanh nghiệp giai đoạn 2016 - 2020

Số lượng dự kiến:

Ngành cần tuyển dụng theo số thứ tự nêu trên:

3. Quý vị vui lòng đánh giá kỹ sư Bách khoa đã và đang làm việc tại Tổ chức/ Doanh nghiệp theo các tiêu chí sau đây

(Người tốt nghiệp đại học của Trường ĐHBK Hà Nội sau đây gọi chung là kỹ sư Bách khoa)

	Rất kém, Tệ	Kém	Trung bình	Khá	Rất tốt, Giỏi
1. Kiến thức chuyên ngành	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input checked="" type="radio"/>
2. Kỹ năng chuyên môn nghề nghiệp	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
3. Khả năng sử dụng ngoại ngữ trong công việc	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
4. Kỹ năng tin học và sử dụng máy vi tính	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
5. Ý thức chấp hành nội quy, quy định, kỷ luật lao động	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
6. Phẩm chất cá nhân (chăm chỉ, kiên trì, tự tin, linh hoạt, nhiệt tình, trách nhiệm, tinh thần học hỏi...)	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
7. Khả năng giao tiếp, truyền đạt thông tin và xây dựng mối quan hệ trong tập thể	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
8. Kỹ năng làm việc (lập kế hoạch, tổ chức công việc, làm việc nhóm, khả năng làm việc độc lập....)	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
9. Kỹ năng lãnh đạo và quản lý nhóm	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
10. Khả năng đặt mục tiêu và phát triển nghề nghiệp trong tương lai	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>

4. Những điểm mạnh khác của kỹ sư Bách khoa chưa được nhắc tới ở trên:

.....

.....

5. Những điểm yếu khác của kỹ sư Bách khoa chưa được nhắc tới ở trên:

.....

.....

6. Theo Quý vị, sinh viên và kỹ sư Bách khoa cần được đào tạo thêm ở những tiêu chí nào dưới đây và nên do ai đào tạo?

	Không cần đào tạo	Nhà trường	Doanh nghiệp/ Tổ chức
1. Kiến thức chuyên ngành	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
2. Kỹ năng chuyên môn nghề nghiệp	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
3. Kỹ năng mềm	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
4. Khả năng ngoại ngữ	<input type="radio"/>	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/>
5. Kỹ năng tin học và sử dụng máy vi tính	<input type="radio"/>	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/>
6. Ý thức, thái độ và nhận thức về bản thân và xã hội	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input checked="" type="radio"/>

7. Đối với kỹ sư Bách khoa mới tốt nghiệp, thời gian hội nhập công việc trung bình tính theo tháng là

1. Dưới 2 tháng
2. Từ 2 - 6 tháng
3. Từ 6 tháng - 1 năm
4. Trên 1 năm

8. Chất lượng chung của kỹ sư Bách khoa được đánh giá là

5. Kém
6. Trung bình
7. Khá
8. Tốt
9. Xuất sắc

9. Quý vị có muốn tiếp tục tuyển dụng kỹ sư Bách khoa khi có nhu cầu?

10. Có
11. Còn phải cân nhắc
12. Không

10. So với một số chương trình đào tạo tương tự của các trường Đại học khác, Quý vị đánh giá kỹ sư Bách khoa ra sao?

13. Thấp hơn
14. Cao hơn
15. Ngang bằng
16. Mục khác:

11. Quý vị có ý kiến gì về chương trình đào tạo kỹ sư Bách khoa?

Về các mặt như cấu trúc, nội dung, các điều kiện thực hiện chương trình ...

.....

12. Quý vị có thể đóng góp gì để Trường ĐH Bách khoa Hà Nội xây dựng và thực hiện chương trình đào tạo chất lượng và hiệu quả hơn?

17. Tham gia vào quá trình xây dựng nội dung chương trình.
18. Tham gia thực hiện đào tạo như giảng dạy, phối hợp tổ chức hội thảo, seminar, nói chuyện chuyên đề...
19. Tham gia các buổi nói chuyện về hướng nghiệp, giới thiệu cơ hội việc làm.
20. Nhận sinh viên thực tập.
21. Đóng góp ý kiến phản hồi về chất lượng sinh viên và kỹ sư ĐHBK Hà Nội.
22. Mục khác:

13. Các ý kiến khác:.....

Xin chân thành cảm ơn Quý vị !

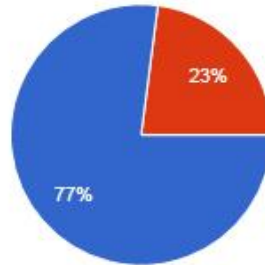
Anh/ Chị vui lòng giúp chúng tôi gửi tiếp phiếu khảo sát này đến các Cựu sinh viên Bách Khoa mà Anh / Chị biết. Chân thành cảm ơn!

Khảo sát cựu sinh viên:

http://www.hust.edu.vn/hung-thong-bao/-/asset_publisher/AKFI5gRIs1e8/content/thu-moi-cuu-sinh-vien-tham-gia-khao-sat-y-kien-ve-cong-tac-ao-tao-va-viec-lam-sau-khi-tot-nghiep

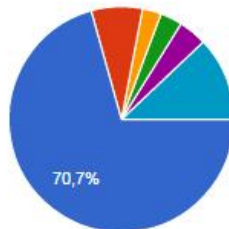
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI
PHÒNG CT CHÍNH TRỊ & CT SINH VIÊN
THỐNG KÊ KHẢO SÁT SINH VIÊN TỐT NGHIỆP NĂM 2016
VỀ TÌNH TRẠNG VIỆC LÀM

GIỚI TÍNH



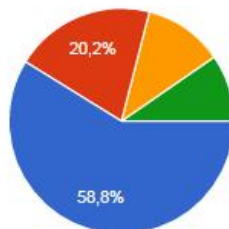
NAM	1195	77%
NỮ	356	23%

1. Tình trạng tìm việc hiện nay



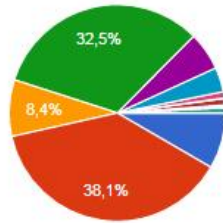
Đã có nơi nhận	1096	70.7%
Có triển vọng được nhận	114	7.4%
Chưa có triển vọng	42	2.7%
Đã có nơi tiếp nhận học tiếp	49	3.2%
Có triển vọng đi học tiếp	63	4.1%
Chưa đi tìm việc làm	187	12.1%

2. Nếu đã đi làm...



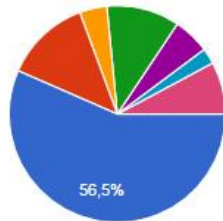
Làm đúng chuyên ngành	655	58.8%
Làm đúng ngành rộng	225	20.2%
Làm gần ngành rộng	127	11.4%
Làm trái ngành	107	9.6%

3. Nơi làm việc



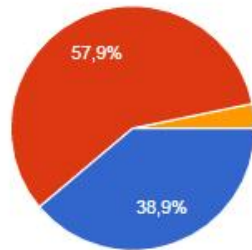
Công ty tự lập/ tự làm	98	8.4%
Công ty tư nhân trong nước	447	38.1%
Công ty nhà nước	99	8.4%
Công ty nước ngoài tại VN	381	32.5%
Công ty ở nước ngoài	67	5.7%
Công ty liên doanh	43	3.7%
Trường đại học, cao đẳng	11	0.9%
Trường trung học, dạy nghề	1	0.1%
Viện nghiên cứu	11	0.9%
Hành chính nhà nước	3	0.3%
Tổ chức phi chính phủ	2	0.2%
Khác	9	0.8%

4. Vị trí công việc chính



Kỹ sư thiết kế, phát triển	622	56.5%
Kỹ sư lắp đặt, vận hành, bảo trì	141	12.8%
Tư vấn, quản lý dự án	45	4.1%
Quản lý sản xuất/ sản phẩm	120	10.9%
Kinh doanh, bán hàng	60	5.5%
Giảng dạy, nghiên cứu	26	2.4%
Khác	86	7.8%

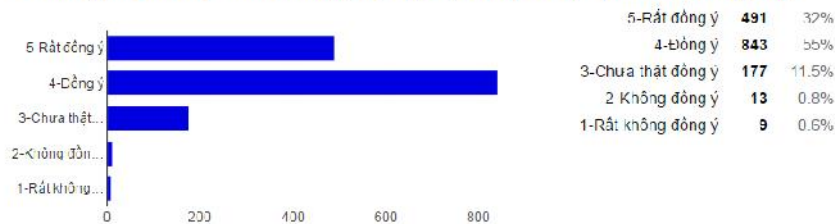
5. Thu nhập



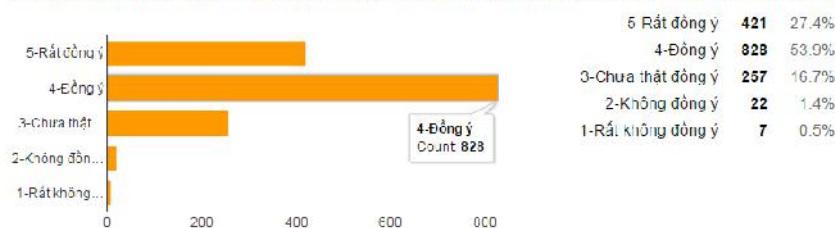
Hài lòng	373	38.9%
Chưa thật hài lòng	556	57.9%
Thất vọng	31	3.2%

C. NHẬN XÉT CHUNG VỀ CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU QUẢ ĐÀO TẠO CỦA ĐHBK HÀ NỘI

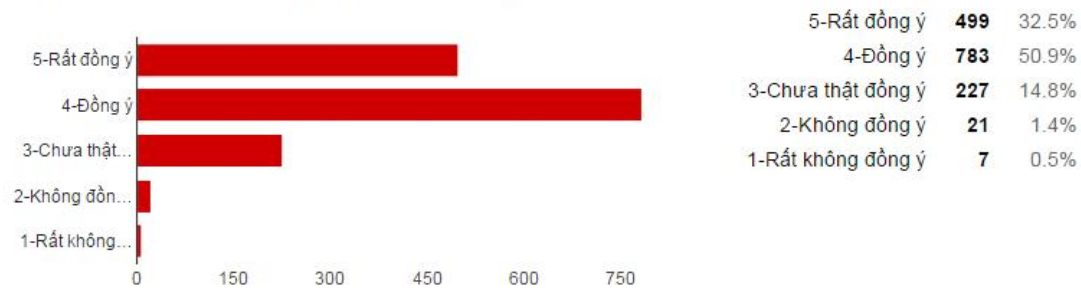
1. Chương trình đào tạo có chất lượng tốt, đáp ứng tốt sự mong đợi của bản thân [null]



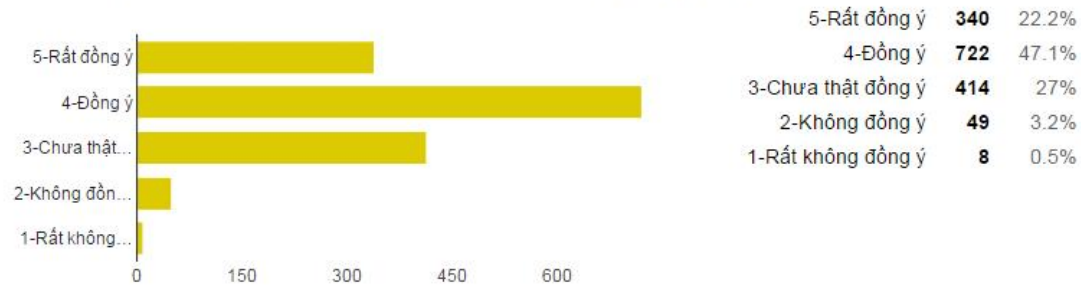
2. Chương trình đào tạo của Nhà trường có khả năng đáp ứng tốt yêu cầu nhân lực nơi Anh/Chị công tác [null]



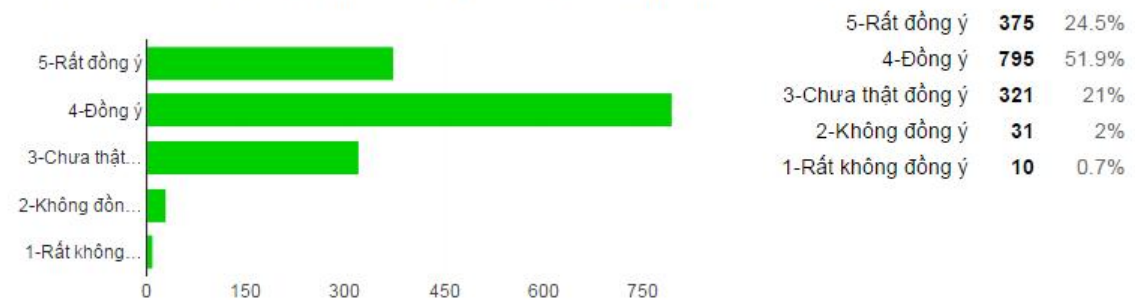
3. Sinh viên được các thầy cô tạo điều kiện phát huy tối đa năng lực học tập và phát triển tư duy [null]



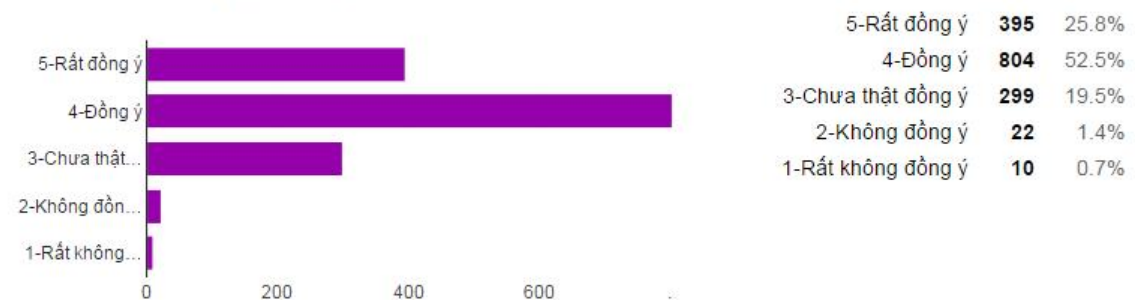
4. Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tế và ứng dụng [null]



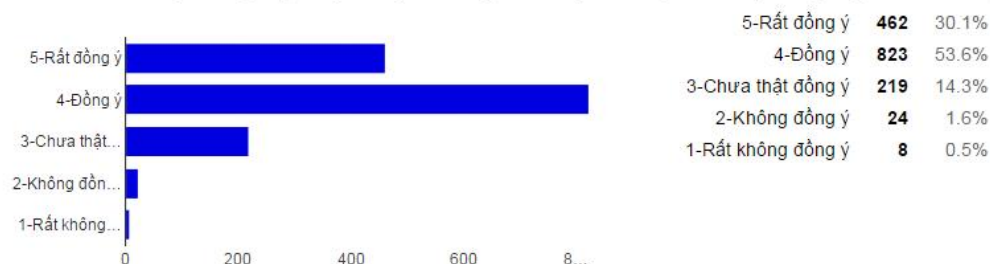
5. Khối kiến thức là phù hợp với thời gian và phương pháp đào tạo [null]



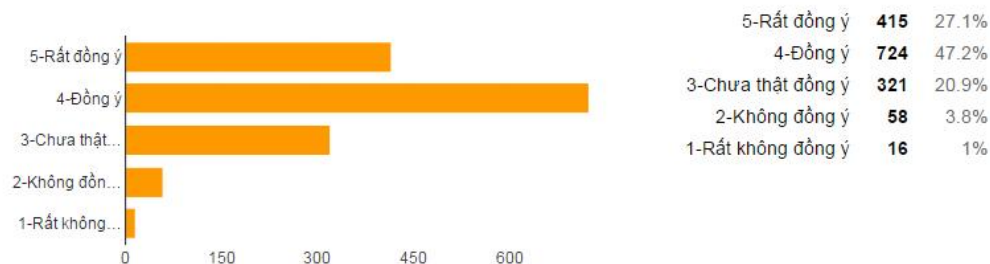
6. Cấu trúc chương trình hợp lý, các môn học có liên kết tốt và ít trùng lặp nội dung [null]



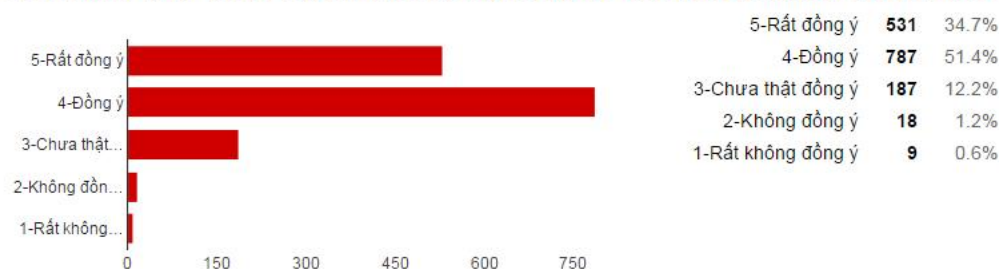
7. Sinh viên được cung cấp hoặc được hướng dẫn đầy đủ về giáo trình, bài giảng và các tài liệu học tập khác [null]



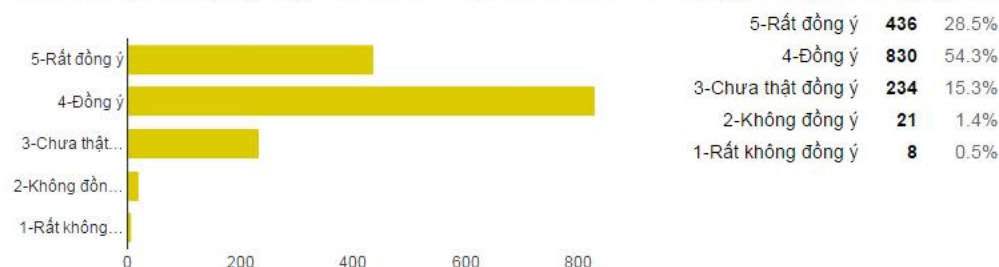
8. Trang bị các giảng đường, lớp học và phòng thí nghiệm đáp ứng yêu cầu [null]



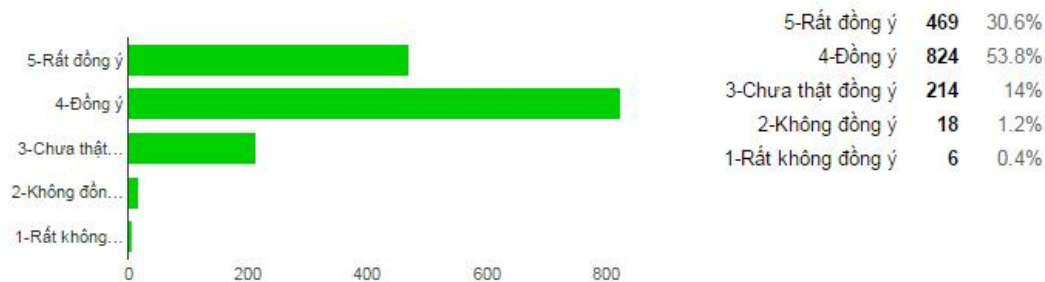
9. Sinh viên được đối xử công bằng, đúng mực trong giờ học và trong đánh giá kết quả học tập [null]



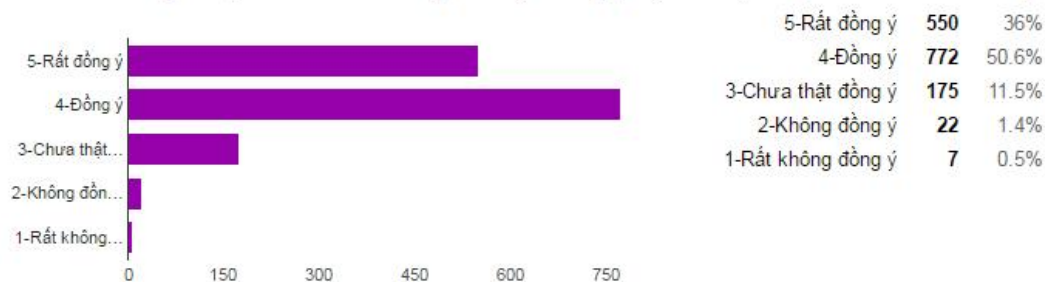
10. Chương trình giảng dạy các môn khoa học cơ bản có khối lượng phù hợp và ứng dụng được [null]



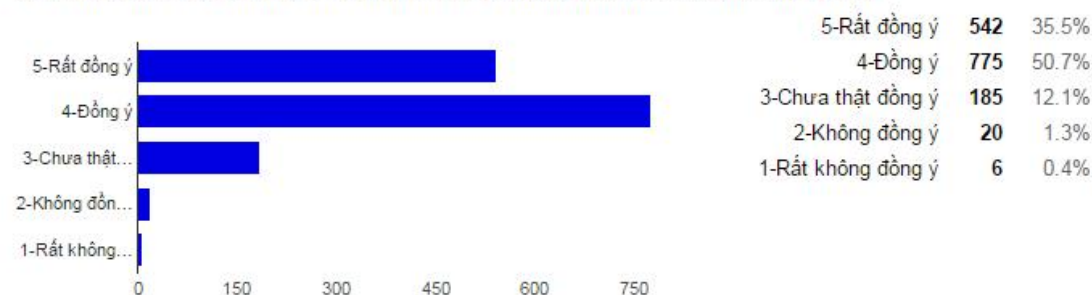
11. Chương trình giảng dạy các môn chuyên ngành có khối lượng phù hợp [null]



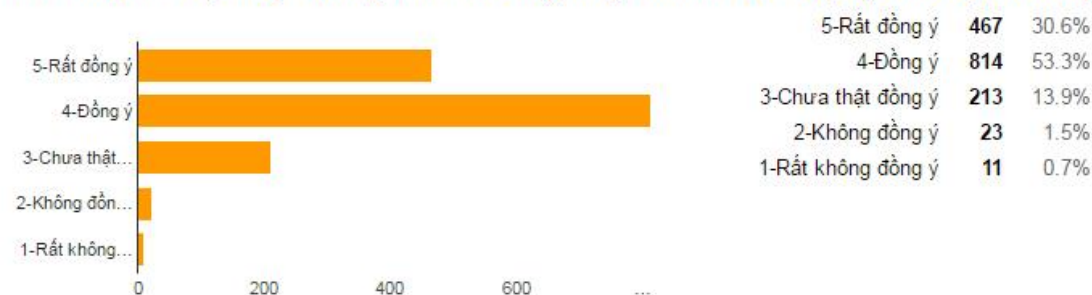
12. Sinh viên học được nhiều từ các thầy cô về phương pháp làm việc và phát triển nhân cách [null]



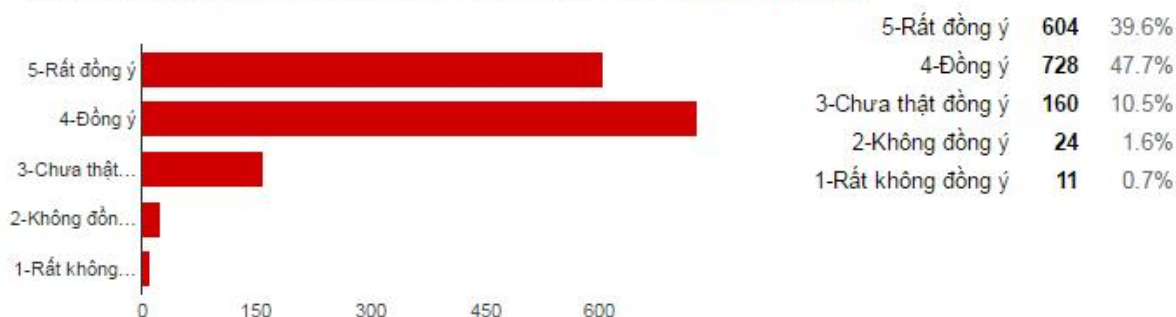
13. Sinh viên được hỗ trợ tốt trong các hoạt động nghiên cứu khoa học [null]



14. Sinh viên đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp [null]

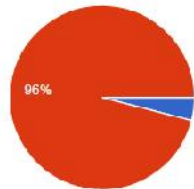


15. Môi trường học tập của trường ĐHBKHN là tốt và năng động [null]



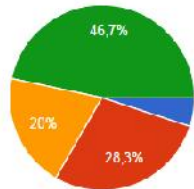
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI
PHÒNG CT CHÍNH TRỊ & CT SINH VIÊN
THỐNG KÊ KHẢO SÁT
CỰU SINH VIÊN VỀ TÌNH TRẠNG VIỆC LÀM

1. Tính đến thời điểm 1 tháng kể từ thời điểm trả lời phiếu này về trước, tình hình việc làm của anh/chị như thế nào?



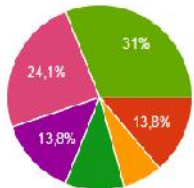
Chưa có việc làm	32	3.9%
Đang có việc làm (vui lòng chuyển tới câu hỏi số 4)	770	92.7%

2. Lý do anh/chị chưa đi làm?



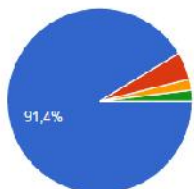
Chưa có nhu cầu	3	4.5%
Đang học tiếp	17	25.4%
Có nhu cầu, đã đi xin việc nhưng chưa được	12	17.9%
Khác	28	41.8%

3. Những lý do anh/chị chưa xin được việc làm?



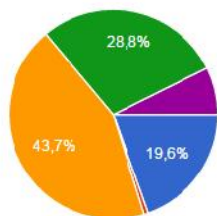
Thiếu kiến thức chuyên môn	0	0%
Thiếu kỹ năng nghề nghiệp	4	13.8%
Thiếu kinh nghiệm làm việc	2	6.9%
Thiếu thông tin về nhà tuyển dụng	3	10.3%
Thiếu thông tin về vị trí tuyển dụng, ngành nghề và thị trường	4	13.8%
Trình độ Tin học chưa đáp ứng nhu cầu	0	0%
Trình độ Ngoại ngữ chưa đáp ứng nhu cầu	7	24.1%
Khác	9	31%

4. Bao lâu sau khi tốt nghiệp anh/chị tìm được việc làm?



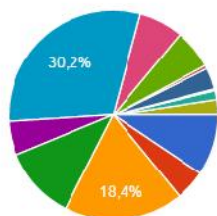
Dưới 6 tháng	720	91.4%
Từ 6 tháng - 1 năm	38	4.8%
Từ 1 năm - 2 năm	15	1.9%
Sau 2 năm	15	1.9%

5. Anh chị tìm được việc làm thông qua kênh thông tin nào?



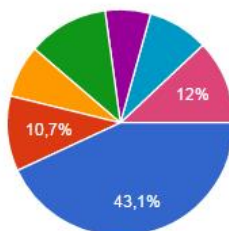
Qua các hội thảo tuyển dụng của Trường	150	19.0%
Qua các trung tâm giới thiệu việc làm	5	0.7%
Qua internet, báo đài,...	335	43.7%
Qua bạn bè, người thân giới thiệu	221	28.8%
Khác	56	7.3%

6. Cơ quan anh/chị đang làm việc thuộc loại hình tổ chức nào?



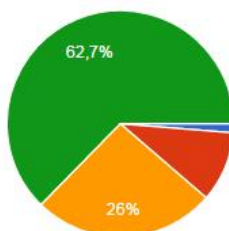
Tập đoàn kinh tế	74	9.4%
Công ty Cổ phần 1 thành viên Nhà nước	37	4.7%
Công ty Cổ phần	145	18.4%
Công ty Trách nhiệm hữu hạn	89	11.3%
Doanh nghiệp Tư nhân	41	5.2%
100% vốn nước ngoài	238	30.2%
Viện nghiên cứu	54	6.9%
Trường Đại học, Các đẳng	48	6.1%
Trường Trung học, Dạy nghề	4	0.5%
Hành chính Nhà nước	26	3.3%
Tổ chức Phi chính phủ	2	0.3%
Danh nghiệp tự thành lập	11	1.4%
Khác	19	2.4%

7. Vị trí công việc chính



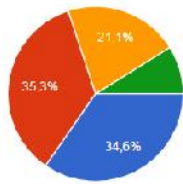
Kỹ sư thiết kế, phát triển	333	43.1%
Kỹ sư lắp đặt, vận hành, bảo trì	83	10.7%
Tư vấn, quản lý dự án	58	7.5%
Quản lý sản xuất/ sản phẩm	89	11.5%
Kinh doanh, bán hàng kỹ thuật	50	6.5%
Giảng dạy, nghiên cứu	67	8.7%
Khác	93	12%

8. Mức thu nhập bình quân/tháng tính theo VNĐ của anh/chị là bao nhiêu?



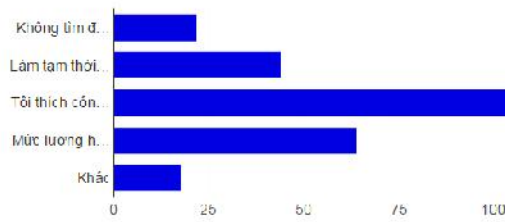
Dưới 3 triệu	10	1.3%
Từ 3 - 6 triệu	79	10.1%
Từ 6 - 10 triệu	204	26%
Trên 10 triệu	492	62.7%

9. Công việc hiện tại của anh/chị là



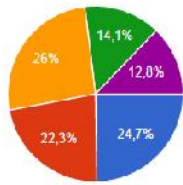
Đúng chuyên ngành đào tạo	272	34.6%
Đúng ngành rộng	277	35.3%
Gần ngành rộng	166	21.1%
Hoàn toàn trái ngành	70	8.9%

10. Nếu công việc là hoàn toàn trái ngành thì tại sao anh/chị lại chọn công việc này?



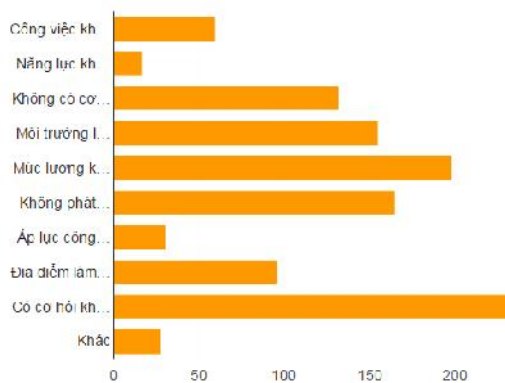
Không tìm được công việc đúng chuyên môn	22	10.6%
Làm tạm thời trong thời gian tìm được việc khác phù hợp hơn	44	21.2%
Tôi thích công việc này	110	52.8%
Mức lương hấp dẫn	64	30.1%
Khác	18	8.7%

11. Từ khi tốt nghiệp, anh/chị đã chuyển đổi công việc bao giờ chưa?



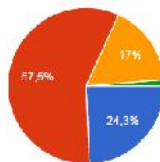
Không có ý định chuyển đổi	191	24.7%
Có ý định nhưng chưa chuyển đổi	172	22.3%
Đã chuyển đổi 1 lần	201	26%
Đã chuyển đổi 2 lần	109	14.1%
Đã chuyển đổi trên 3 lần	99	12.8%

12. Lý do khiến anh/chị chuyển đổi công việc là gì?



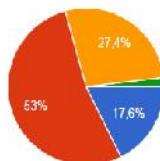
Công việc không phù hợp với ngành được đào tạo	60	10.6%
Năng lực không đáp ứng được nhu cầu	17	3%
Không có cơ hội thăng tiến	132	23.4%
Môi trường làm việc (cơ sở vật chất và văn hóa) không phù hợp	166	27.4%
Mức lương không thỏa đáng	198	35%
Không phát huy được năng lực	166	29.2%
Áp lực công việc quá lớn	31	5.5%
Địa điểm làm việc không phù hợp	96	17%
Có cơ hội khác tốt hơn	245	43.4%
Khác	28	5%

13. Kiến thức được Trường đào tạo có giúp ích cho công việc hiện tại của anh/chị không?



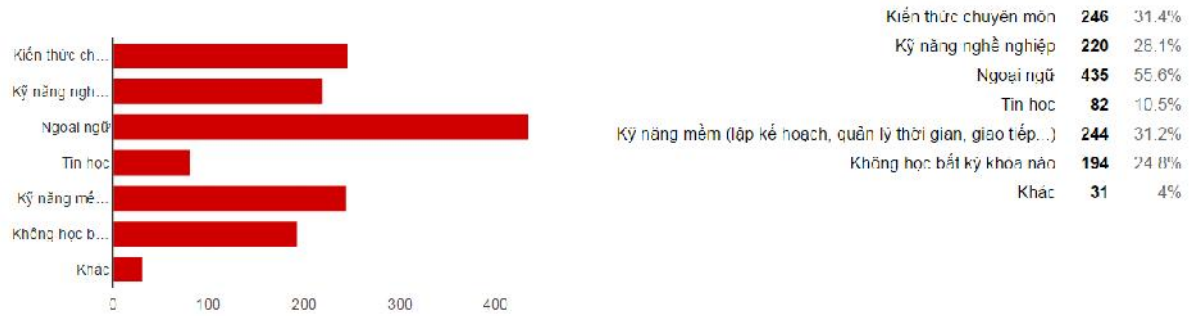
Rất có ích	195	24.3%
Có ích	461	57.5%
Ít có ích	136	17%
Hoàn toàn không có ích	10	1.2%

14. Kỹ năng được Trường đào tạo có giúp ích cho công việc hiện tại của anh/chị không?

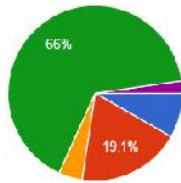


Rất có ích	139	17.6%
Có ích	418	53%
Ít có ích	216	27.4%
Hoàn toàn không có ích	15	1.9%

15. Anh/chị đã tham gia thêm các khóa đào tạo nào dưới đây kể từ khi tốt nghiệp?

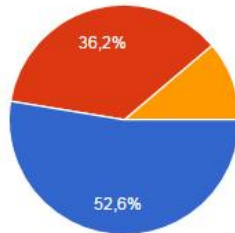


16. Anh/chị có đã hoặc đang tham gia các khóa đào tạo nào dưới đây?



Loại khóa đào tạo	Số người	Tỷ lệ (%)
Văn bản 2	66	8.3%
Thực sự	153	19.1%
Tiến sự	35	4.4%
Chưa tham gia khóa đào tạo nào	527	66%
Khác	18	2.3%

17. Nếu có tham gia thì hình thức đào tạo như thế nào?

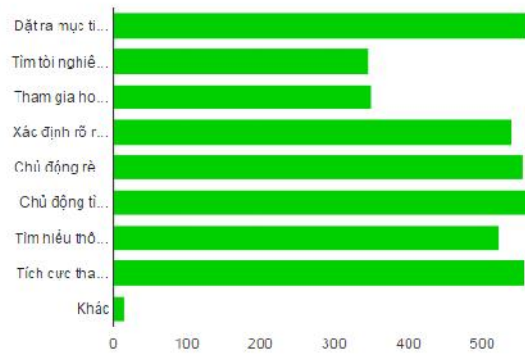


Hình thức đào tạo	Số người	Tỷ lệ (%)
Trong nước	244	52.6%
Ngoài nước	168	36.2%
Liên kết đào tạo với nước ngoài	52	11.2%

18. Theo anh/chị, những giải pháp nào dưới đây từ phía nhà trường và Doanh nghiệp giúp sinh viên tốt nghiệp đáp ứng được yêu cầu của nhà tuyển dụng?



19. Theo anh/chị, những giải pháp nào dưới đây từ phía sinh viên giúp sinh viên tốt nghiệp dễ dàng tìm được việc làm?

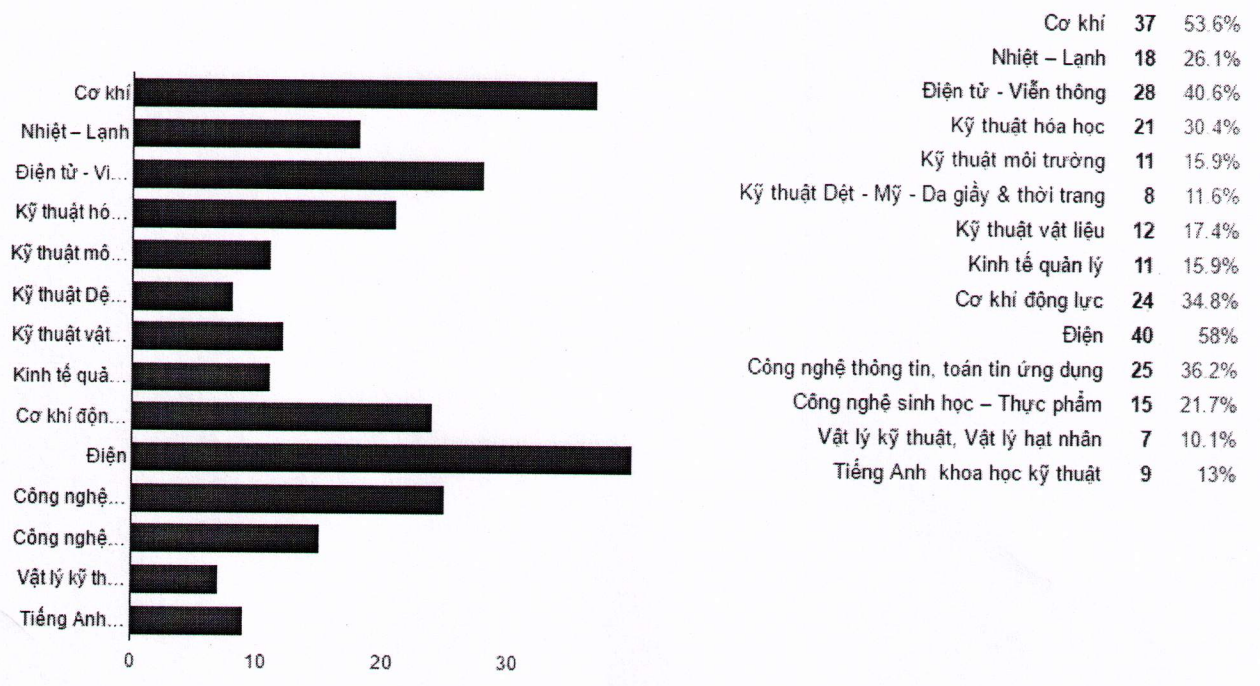


Đặt ra mục tiêu về kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp cụ thể cho quá trình học tập chuyên môn tại trường	564	70.3%
Tìm tòi nghiên cứu các vấn đề nảy sinh trong quá trình học tập	347	43.3%
Tham gia hoạt động sinh viên nghiên cứu khoa học	351	43.8%
Xác định rõ ràng điểm mạnh điểm yếu, tính cách và mong muốn của bản thân	539	67.2%
Chủ động rèn luyện kỹ năng mềm và phẩm chất đạo đức phù hợp với ngành nghề	556	69.3%
Chủ động tìm kiếm thông tin và tìm hiểu nhu cầu lao động của xã hội	574	71.6%
Tìm hiểu thông tin nhà tuyển dụng, vị trí công việc dự định ứng tuyển	524	65.3%
Tích cực tham gia thực tập/Thực hành khi có điều kiện	557	69.5%
Khác	16	2%

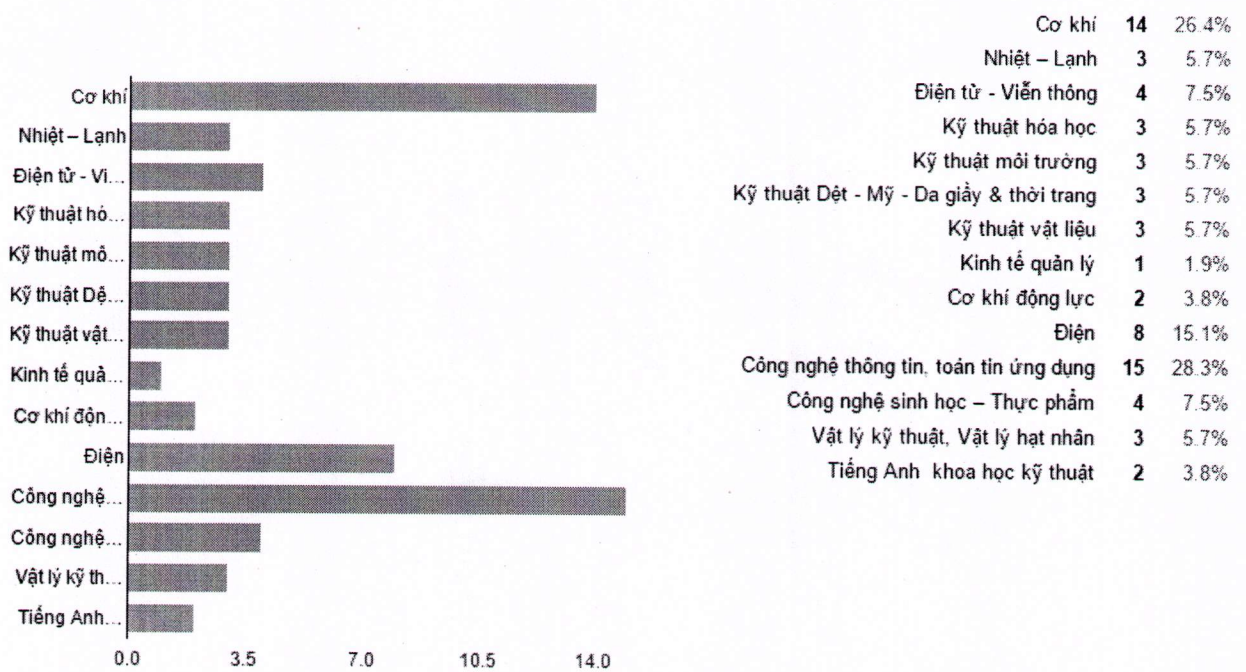
TỔNG HỢP KẾT QUẢ KHẢO SÁT 2016

74 DOANH NGHIỆP, CƠ QUAN SỬ DỤNG NHÂN LỰC TỪ ĐHBKHN

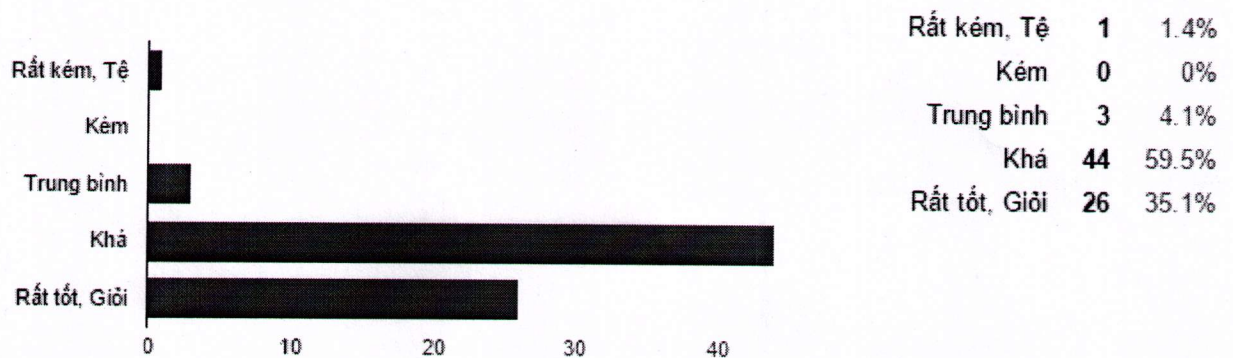
1. Số lượng cán bộ công nhân viên hiện đang làm việc tại Quý cơ quan/ Doanh nghiệp



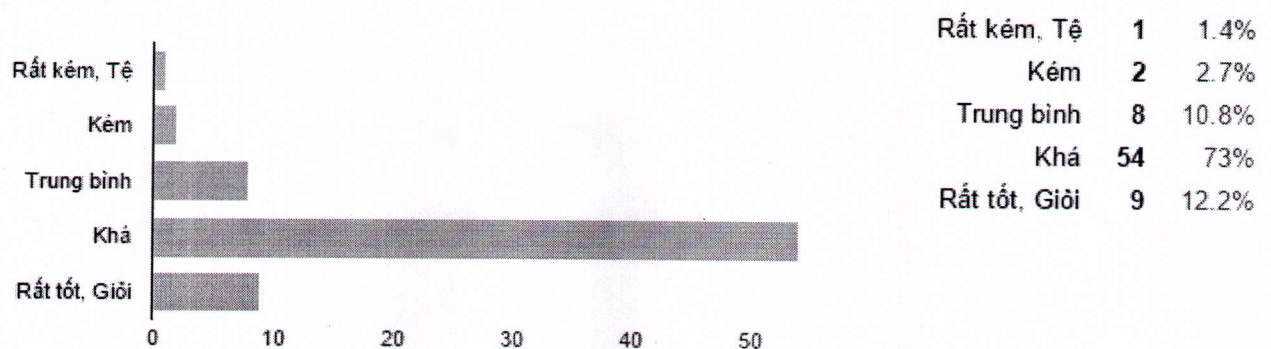
2. Nhu cầu tuyển dụng Kỹ sư ĐHBKHN của doanh nghiệp giai đoạn 2016 - 2020



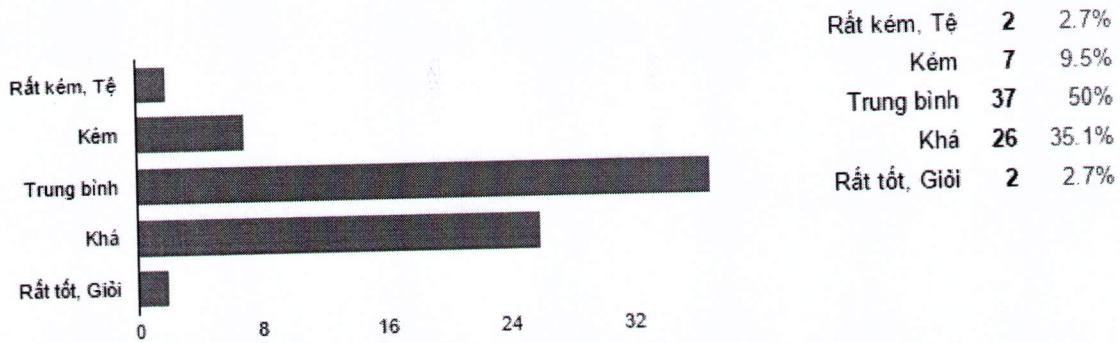
3. Kiến thức chuyên ngành



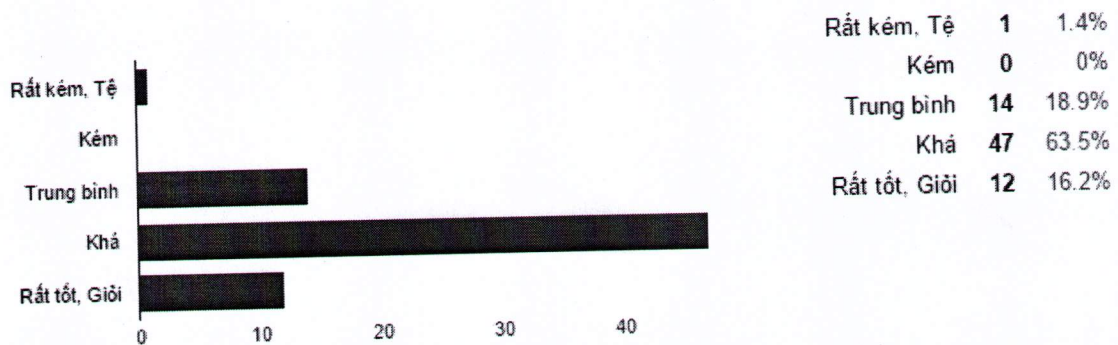
4. Kỹ năng chuyên môn nghề nghiệp



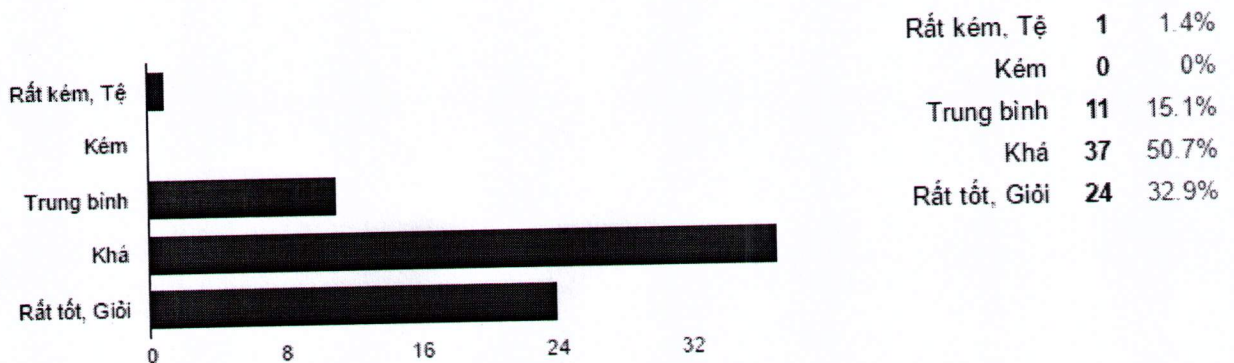
5. Khả năng sử dụng ngoại ngữ trong công việc



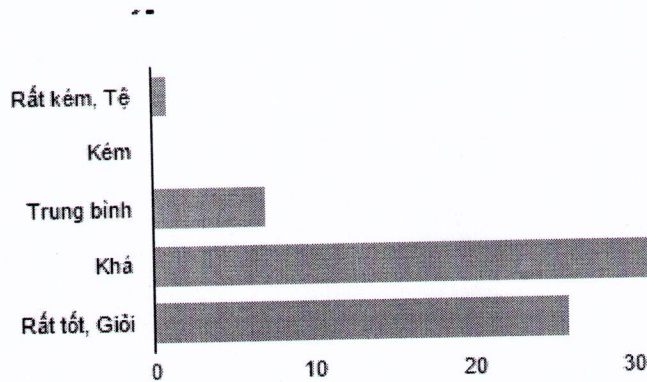
6. Kỹ năng tin học và sử dụng máy vi tính



7. Ý thức chấp hành nội quy, quy định, kỷ luật lao động

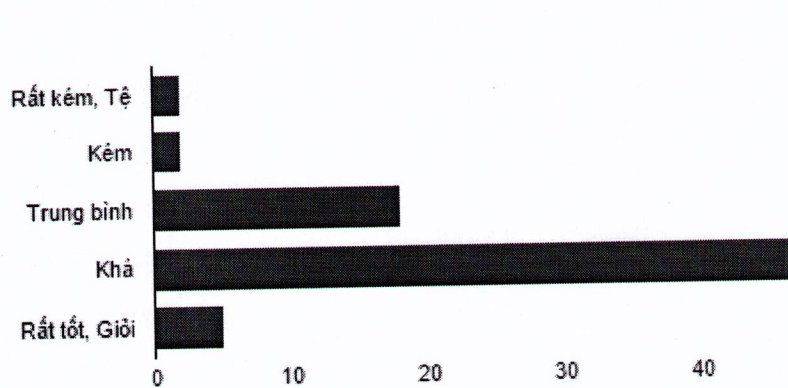


8. Phẩm chất cá nhân



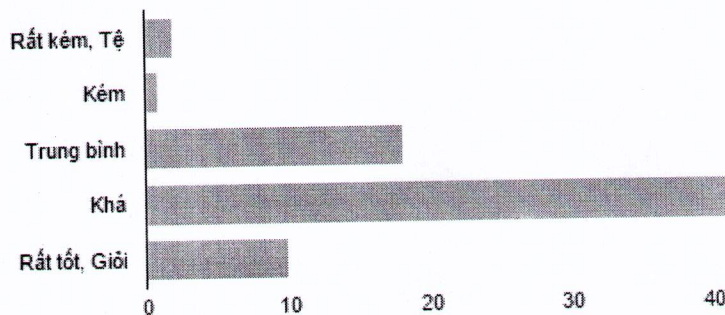
Rất kém, Tệ	1	1.4%
Kém	0	0%
Trung bình	7	9.5%
Khá	40	54.1%
Rất tốt, Giỏi	26	35.1%

9. Khả năng giao tiếp, truyền đạt thông tin và xây dựng mối quan hệ trong tập thể



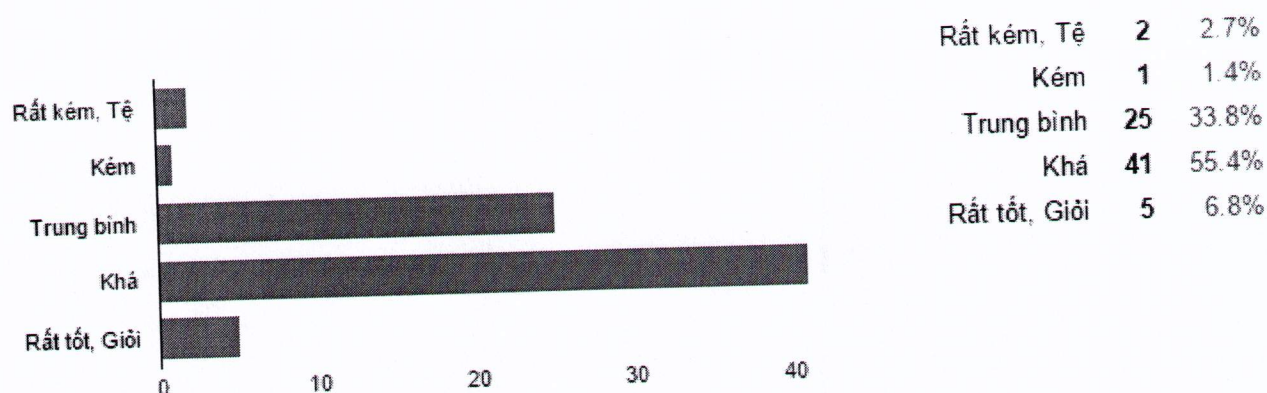
Rất kém, Tệ	2	2.7%
Kém	2	2.7%
Trung bình	18	24.3%
Khá	47	63.5%
Rất tốt, Giỏi	5	6.8%

10. Kỹ năng làm việc

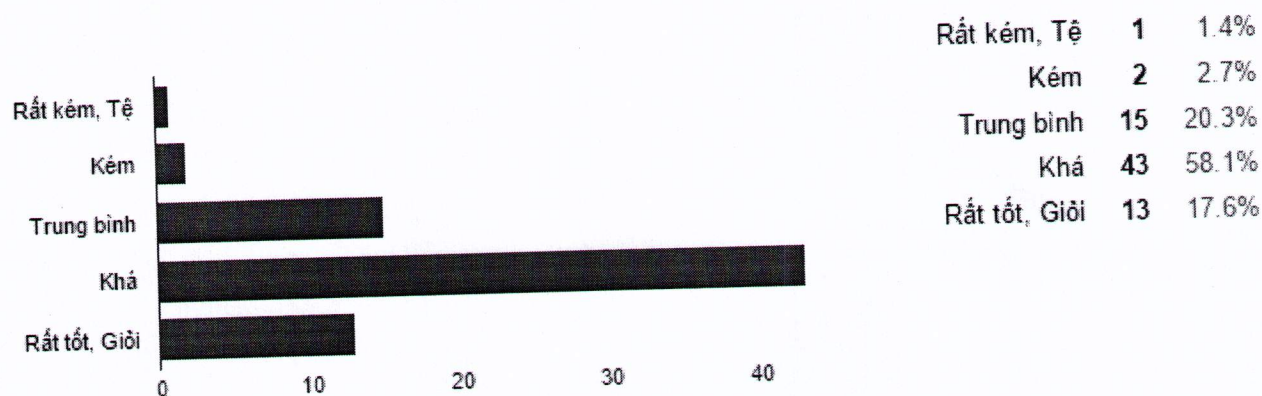


Rất kém, Tệ	2	2.7%
Kém	1	1.4%
Trung bình	18	24.3%
Khá	43	58.1%
Rất tốt, Giỏi	10	13.5%

11. Kỹ năng lãnh đạo và quản lý nhóm

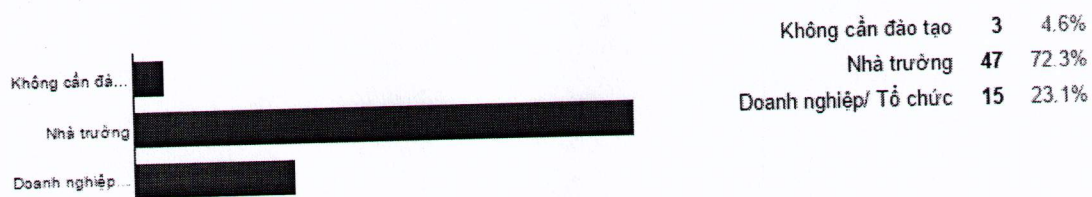


12. Khả năng đặt mục tiêu và phát triển nghề nghiệp trong tương lai

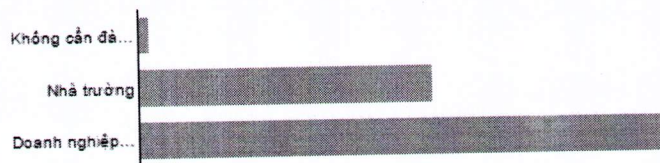


13. Theo Quý vị, sinh viên và kỹ sư Bách khoa cần được đào tạo thêm ở những tiêu chí nào dưới đây và nên do ai đào tạo

13.1. Kiến thức chuyên ngành

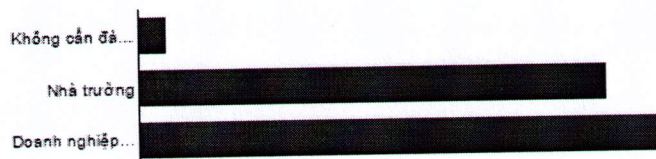


13.2. Kỹ năng chuyên môn nghề nghiệp



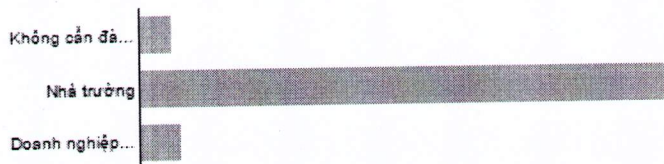
Không cần đào tạo	1	1.5%
Nhà trường	24	35.3%
Doanh nghiệp/ Tổ chức	43	63.2%

13.3. Kỹ năng mềm



Không cần đào tạo	2	2.8%
Nhà trường	33	45.8%
Doanh nghiệp/ Tổ chức	37	51.4%

13.4. Khả năng ngoại ngữ



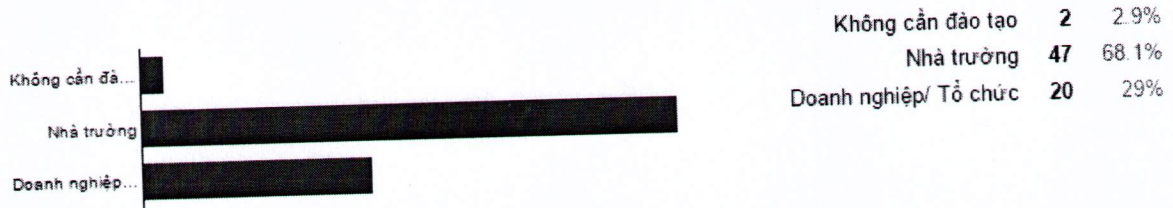
Không cần đào tạo	4	5.5%
Nhà trường	64	87.7%
Doanh nghiệp/ Tổ chức	5	6.8%

13.5. Kỹ năng tin học và sử dụng máy vi tính

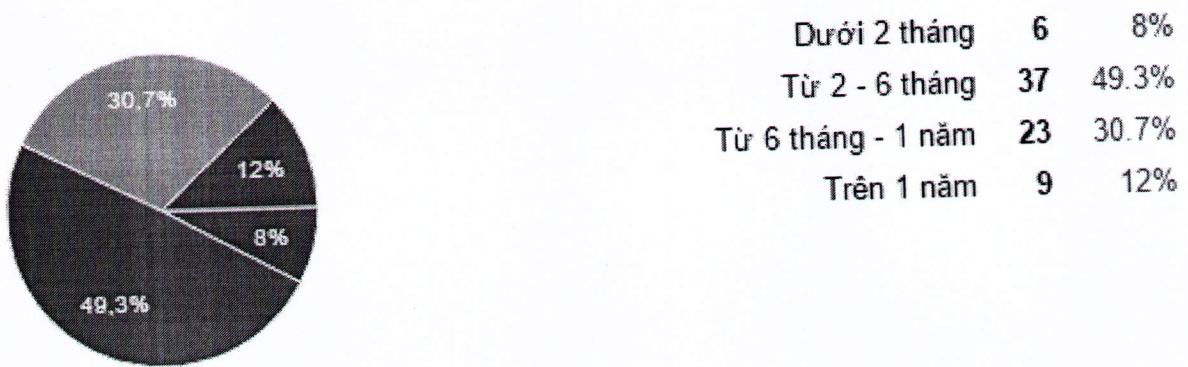


Không cần đào tạo	10	15.4%
Nhà trường	49	75.4%
Doanh nghiệp/ Tổ chức	6	9.2%

13.6. Ý thức, thái độ và nhận thức về bản thân và xã hội



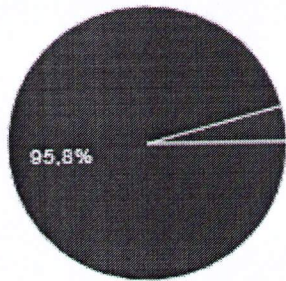
14. Đối với kỹ sư Bách khoa mới tốt nghiệp, thời gian hội nhập công việc trung bình tính theo tháng



15. Chất lượng chung của kỹ sư Bách khoa được đánh giá

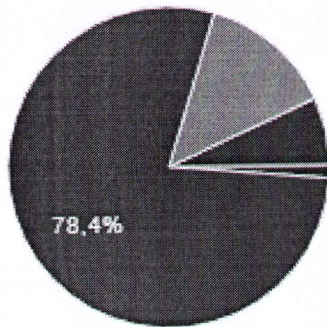


16. Quý vị có muốn tiếp tục tuyển dụng kỹ sư Bách khoa khi có nhu cầu



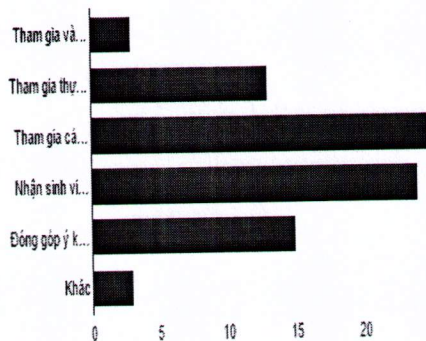
Có	69	95.8%
Còn phải cân nhắc	3	4.2%
Không	0	0%

17. So với một số chương trình đào tạo tương tự của các trường Đại học khác, Quý vị đánh giá kỹ sư Bách khoa ra sao



Thấp hơn	1	1.4%
Cao hơn	58	78.4%
Ngang bằng	10	13.5%
Khác	5	6.8%

18. Quý vị có thể đóng góp gì để Trường ĐH Bách khoa Hà Nội xây dựng và thực hiện chương trình đào tạo chất lượng và hiệu quả hơn



Tham gia vào quá trình xây dựng nội dung chương trình.	3	4.2%
Tham gia thực hiện đào tạo như giảng dạy, phối hợp tổ chức hội thảo, seminar, nói chuyện chuyên đề...	13	18.3%
Tham gia các buổi nói chuyện về hướng nghiệp, giới thiệu cơ hội việc làm.	25	35.2%
Nhận sinh viên thực tập.	24	33.8%
Đóng góp ý kiến phản hồi về chất lượng sinh viên và kỹ sư ĐHBK Hà Nội.	15	21.1%
Khác	3	4.2%

19 Những điểm yếu khác của kỹ sư Bách khoa

- Các kiến thức khi mới ra trường chỉ ở mức dưới cơ bản, chưa sẵn sàng để làm việc, còn phải đào tạo thêm rất nhiều. Có kiến thức về kỹ thuật nhưng không hiểu biết các vấn đề mang tính luật định. VD: Một kỹ sư xây dựng hiểu được rằng một thiết bị nâng hay một công trình xây dựng cần thiết phải được đăng kiểm thế nào, ở cấp độ nào nhưng đối với KS BKHN, đăng kiểm thiết bị (bồn bể áp lực, thiết bị nâng...) là điều quá mới mẻ
- Các kỹ năng thực tế liên quan đến nghề nghiệp kém. Không đủ thông tin để nhận biết thực tế các doanh nghiệp đang cần và thiếu gì.
- Thiếu thực tế, thiếu sức vóc và kiên trì.
- Thiếu kĩ năng phỏng vấn
- Ngoại ngữ chưa tốt
- Chưa tâm huyết với nghề
- Tiếng Anh, Kỹ năng mềm kém
- Chậm thay đổi - bảo thủ - không nhiệt tình với hoạt động tập thể
- Kĩ năng mềm cần được bổ sung và đào tạo tốt hơn. Kĩ năng trình bày/viết email, văn bản còn chưa tốt
- Đối với sinh viên mới ra trường giai đoạn gần đây thường có tình trạng có kiến thức chuyên ngành nhưng chưa sâu, có dấu hiệu thụ động theo sự hướng dẫn của thầy/cô. Một số ngành học có kỹ năng tiếng Anh yếu.
- Ngoại ngữ chưa tốt
- Sinh viên mới ra trường chưa có định hướng rõ ràng trong công việc
- Mức độ cam kết với tổ chức chưa cao, hay nhảy việc
- Ngoại ngữ và kỹ năng mềm chưa thực sự tốt. Tự tin là tốt nhưng đôi khi tự tin thái quá thành ra kiêu ngạo một chút.
- Thiếu sự gan bo lau dai voi cong ty
- Các bạn mới ra trường chưa có nhiều kinh nghiệm thực tế
- Khả năng sử dụng ngoại ngữ còn yếu - Khả năng truyền đạt thông tin và xây dựng đội ngũ còn hạn chế, nhiều bạn tỏ ra hơi rụt rè trong các hoạt động tập thể.
- Phương pháp luận làm việc rất kém
- Rất thiếu kiến thức và kỹ năng thực tế khi mới ra trường. Chưa định hướng được công việc thực tế, mơ mộng.
- Làm thương mại còn hạn chế. Khả năng tham gia chính trị một số đồng chí còn chưa tốt. Tập trung quá vào chuyên môn mà chưa để ý nhiều việc khác. nâng cao hơn nữa khả năng xây dựng các văn bản
- Yếu ngoại ngữ
- Thiếu năng lực quản lý,
- Khả năng giao tiếp tiếng anh chưa tốt - Cần bổ sung tư duy kinh tế kỹ thuật
- Kỹ năng thực hành, trình độ ngoại ngữ, giao tiếp, văn hóa ứng xử, khả năng quản trị kinh doanh và khởi nghiệp chưa đồng đều
- Kỹ năng giao tiếp, tạo thiện cảm còn chưa tương xứng với trình độ, kiến thức chuyên ngành

- Khả năng ngoại ngữ, kỹ năng diễn thuyết, giao tiếp chưa cao
- Kỹ năng thực hành chưa tốt.

20. Các ý kiến khác

1. Cần có nhiều chương trình liên kết với các doanh nghiệp, các hội chợ tuyển dụng hàng năm, thăm quan doanh nghiệp, kiến tập tại doanh nghiệp mà các doanh nghiệp lớn còn đặt hàng đào tạo theo yêu cầu. Sinh viên các trường được thực hành thực tế nhiều, nắm được mặt trang thiết bị và có thể làm chủ khi vận hành hoặc lắp đặt. Họ cũng biết được công ty A cần gì, công ty B cần gì và có sự chuẩn bị đầu tư trước khi ra trường. Các chương trình liên kết đào tạo quốc tế cũng đang đem lại nhiều thay đổi về chất lượng đầu ra. Nếu Bách Khoa Hà Nội ngữ quên trên đỉnh (là trường kỹ thuật hàng đầu) thì sẽ tạo ra các lứa sinh viên ảo tưởng về năng lực bản thân do tốt nghiệp trường top đầu nhưng rất yếu thực tế, thiếu sự sáng tạo và nặng lý thuyết. Một số sinh viên nổi bật là do năng lực cá nhân không phải do hệ thống đào tạo và những con số đó là thiếu số. Một trường đào tạo tốt là trường phải tạo ra số đông các Kỹ Sư, Cử Nhân khi tốt nghiệp làm được việc, tạo ra nhiều đóng góp cho doanh nghiệp, cho đất nước. Hoặc đơn giản hơn là họ có được thu nhập ngay sau khi tốt nghiệp (nếu họ làm được việc và doanh nghiệp không phải mất công đào tạo lại). Những góp ý trên đây với mong muốn xây dựng trường ngày một tốt hơn nên có phần gai góc và động chạm, rất mong quý trường không vì những điều đó mà cảm thấy khó chịu. Xin cảm ơn!
2. Chúng tôi sẵn sàng chia sẻ hướng nghiệp cho sinh viên, Và sẽ tạo nhiều cơ hội việc làm nhất cho sinh viên quý trường. Trân trọng !
3. Nên phối hợp với các doanh nghiệp để nhận đặt hàng các vấn đề do doanh nghiệp đang gặp phải để giải quyết
4. Ngoài nhận sinh viên thực tập, FSS còn sẵn lòng tham gia các cơ hội giới thiệu việc làm, đóng góp ý kiến phản hồi về chất lượng sinh viên và kỹ sư của trường
5. Ngoài kiến thức về chuyên ngành, nên đào tạo thêm cho sinh viên các kỹ năng mềm, cách giao tiếp và truyền đạt thông tin, làm việc trong nhóm.
6. Nhận sinh viên thực tập
7. Hy vọng được hợp tác lâu dài với nhà trường.
8. Rất mong sự hợp tác giữa Trường Đại Học Bách Khoa và Viện Đo lường Việt Nam
9. - Các chương trình đào tạo ở trường cần mang tính tương tác cao hơn nên có 1 buổi tranh luận, hội thảo.
 - Các kỹ sư cần được đi thực tập nhiều hơn và nghiêm túc hơn. Cần có buổi thảo luận để trao đổi kinh nghiệm giữa các sinh viên thực tập và có sự hướng dẫn của giáo viên.
 - Cần có nhiều bài tập lớn hay các chương trình phối hợp nghiên cứu để sinh viên biết phát huy cách đặt vấn đề và tự nghiên cứu.

- Giảm bớt các môn học nâng cao mà thay vào đó là các buổi giới thiệu về ứng dụng của các môn học đó cũng như các tài liệu tham khảo. Gợi ý sinh viên ứng dụng các kiến thức này vào bài tập lớn hoặc đề tài nghiên cứu.
- Giới thiệu về các luật định, tiêu chuẩn liên quan đến ngành nghề (hiện nay trường chỉ giới thiệu tiêu chuẩn thiết kế chung chung...)

10. Kỹ sư cần được đào tạo dựa trên nhu cầu của doanh nghiệp vì thế giáo trình đào tạo cần phải cập nhật những đòi hỏi đó.

Kỹ sư Bách Khoa là kỹ sư ứng dụng, nghĩa là học trên thiết bị và yêu cầu thực tế, tránh nghiên cứu sâu vào học thuật, lý thuyết.

Kỹ sư Bách Khoa chưa có những kỹ năng mềm tốt, đây là một yêu cầu bắt buộc khi làm việc và phát triển (kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng quản lý tiến độ, thời gian v.v..)

Các nội dung học đại cương cần cắt bỏ giảm xuống khoảng 1 năm. Tăng thời gian thực tập và kiến tập tốt nghiệp tại doanh nghiệp từ 3 tháng lên thành 1 năm.

Các môn học chuyên ngành cần sát với thực tế khách quan, chấp nhận những điều đã được chứng minh thay vì đi chứng minh lại.

Cần mời các chủ doanh nghiệp, hoặc các cựu sinh viên về trường đào tạo những nội dung mới mà doanh nghiệp đang cần hoặc chia sẻ về định hướng nghề, hoạch định tương lai.

11. Thiếu thực hành, thực tập, chưa thực sự đầu tư mạnh vào hướng nghiệp cho sinh viên.

12. Đẩy mạnh đào tạo ngoại ngữ, học chuyên ngành bằng ngoại ngữ.

Tham gia thực hành, thực tập các dự án thực tế nhiều hơn

13. Chương trình đào tạo sinh viên nên bổ sung thêm các khóa đào tạo kỹ năng mềm, định hướng phát triển bản thân. Ngoài ra nên dạy thêm các kiến thức chuyên môn cơ bản cho các bạn sinh viên công nghệ thông tin như Clean Code, Coding convention... để các bạn nhanh chóng bắt nhịp với công việc

14. Thực tập dài hơn tại doanh nghiệp ít nhất 3 tháng.

Một số môn chuyên môn nên mời giảng viên hoặc giảng viên của Doanh nghiệp

Một số môn về quản trị sản xuất cần đến doanh nghiệp học thực tế.

15. Cần hiện đại hóa trang thiết bị trong giảng dạy, thực hành. Cập nhật các thiết bị thực tế để học sinh không bị bất ngờ. Cần tập trung dạy chuyên ngành sớm và nhiều hơn. Hạn chế dần các môn đại cương, lý thuyết chung không liên quan đến ngành học.

16. - Cần chú trọng trình độ tay nghề, kỹ năng khởi sự doanh nghiệp và quản trị doanh nghiệp. Trình độ ngoại ngữ ít nhất 2 thứ tiếng trở lên. Khả năng lập trình điện toán.

- Chú trọng chtr kỹ sư thực hành. Văn hóa ĐHBKHN, xây dựng thương hiệu dựa trên chất lượng đào tạo, văn hóa

-Phối hợp với DN, công ty, nhà máy các tỉnh trong quá trình đào tạo thực tập, giảng dạy trực tiếp. tăng thời gian thực tế, giảm thời gian học lý thuyết chay

17. - Đào tạo về kỹ năng mềm ...

- Thêm các môn học về đạo đức nghề nghiệp: Khá nhiều sinh viên nhận thức sai lầm về các việc nên làm và không nên làm trong doanh nghiệp, đặc biệt là về mặt tài nguyên, mã nguồn công ty.

- Thêm các chương trình thực tập cho sinh viên ở doanh nghiệp từ năm 4, 5.